

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
BAN TUYÊN GIÁO**

CHUYÊN ĐỀ

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ TRÁCH NHIỆM
NÊU GƯƠNG; QUYẾT LIỆT, ĐỒNG BỘ
TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN
KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI GÓP PHẦN
THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG LẦN THỨ XI**

(Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2023)

Lâm Đồng, tháng 01 năm 2023

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và Kế hoạch số 69-KH/TU, ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn Tài liệu Chuyên đề năm 2023: ***Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI (Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2023).***

Tài liệu được biên soạn ngắn gọn, trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức học tập, làm theo Bác về những nội dung trên trên địa bàn

toàn tỉnh. Tài liệu là sự cụ thể hóa nhiệm vụ mang tính đổi mới, sáng tạo của tỉnh trong triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW giai đoạn 2021 - 2026 và kết hợp làm sâu sắc thêm một số nội dung cốt lõi trong Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng nhằm góp phần tiếp tục nâng cao chất lượng học tập, làm theo Bác của toàn Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

Xin trân trọng giới thiệu Tài liệu Chuyên đề năm 2023 tới các đồng chí và bạn đọc./.

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (*Kết luận số 01-KL/TW*); căn cứ Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 06/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (*Kế hoạch số 20-KH/TU*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2023 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục làm cho toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh nhận thức sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Gắn việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí

Minh - chuyên đề năm 2023 với Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (*Kết luận số 21-KL/TW*); thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương và Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2022 “về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2023”; với chủ đề: ***“Quyết liệt, đồng bộ, đột phá; kỷ cương, nêu gương, trách nhiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI”***.

- Xác định những nội dung công việc trọng tâm, cụ thể để triển khai thực hiện, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên, tự giác, tạo sự thống nhất nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân cán bộ, đảng viên.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nội dung, phương thức, thời gian thực hiện những nhiệm vụ cụ thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, khắc phục cách làm hình thức; tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện nêu gương của cán

bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương; về các chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Việc tổ chức thực hiện các nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023 phải nghiêm túc, phát huy kết quả đạt được trong thời gian qua, tính chủ động, quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo, linh hoạt của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân để việc học tập và làm theo Bác đạt kết quả thiết thực.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

1. Chủ đề học tập năm 2023:

“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI”.

2. Tổ chức học tập chuyên đề năm 2023

2.1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Biên soạn tài liệu chuyên đề năm 2023 của tỉnh. Thời gian hoàn thành: Trong tháng 01/2023.

- Ban hành hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt, sinh hoạt Chuyên đề năm 2023. Thời gian hoàn thành: Trong tháng 01/2023.

- Tổng hợp kết quả học tập, quán triệt chuyên đề năm 2023 báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Trung ương.

2.2. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập chuyên đề năm 2023 của tỉnh. Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02/2023.

2.3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức học tập chuyên đề năm 2023 đối với thành viên, tổ chức trực thuộc và đoàn viên, hội viên mình phù hợp với thực tế. Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3/2023.

3. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ điểm hằng quý

3.1. Nội dung

- Căn cứ vào nội dung chuyên đề toàn khóa của Trung ương; chuyên đề năm 2023 của tỉnh và tình hình thực tế, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hướng dẫn nội dung sinh hoạt chuyên đề theo chủ điểm hằng quý tại chi bộ cho phù hợp.

- Tài liệu: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn cụ thể.

3.2. Phương thức thực hiện

- Căn cứ Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn nội dung sinh hoạt chuyên đề

theo chủ điểm hằng quý phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Chi bộ tổ chức sinh hoạt chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hằng quý theo chủ đề được cấp ủy hướng dẫn; liên hệ nhiệm vụ của từng chi bộ và của từng đảng viên, cán bộ, người đứng đầu chi bộ, cơ quan, đơn vị trong vận dụng thực hiện nội dung chủ đề.

- Sau mỗi đợt sinh hoạt chuyên đề hằng quý, cấp ủy các cấp báo cáo kết quả việc tổ chức sinh hoạt cho cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.1. Nội dung

- Sinh hoạt chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương.

- Triển khai thực hiện “*Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*” làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đăng ký, phấn đấu, rèn luyện.

- Cấp ủy, cơ quan, đơn vị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các quy định về nêu gương và Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021

của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm; đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

4.2. Phương thức và thời gian thực hiện

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn, triển khai thực hiện “*Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*” làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đăng ký, phấn đấu, rèn luyện (*sau khi có Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương*).

- Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ sát chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đăng ký, rèn luyện. Thời gian hoàn thành chậm nhất trong quý II/2023.

- Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên viết cam kết thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gửi cam kết về cấp ủy chỉ bộ, lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi công tác theo dõi; cán bộ lãnh đạo thuộc diện cấp nào quản lý thì gửi cấp đó theo dõi, đánh giá. Thời gian hoàn thành trong quý I/2023.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

5.1. Nội dung

- Tiếp tục tuyên truyền về các nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kết quả thực hiện Kết luận số 01-KL/TW; Kết luận số 21- KL/TW; Kế hoạch 20-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với các phong trào thi đua và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; chuyên đề toàn khóa *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*.

- Tập trung tuyên truyền đậm nét kết quả học tập và thực hiện chuyên đề năm 2023 của tỉnh; kết quả sinh hoạt theo chủ điểm quý ở các địa phương, đơn vị.

- Tuyên truyền về những mô hình mới, cách làm hay, gương “người tốt, việc tốt”, tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, bôi nhọ thân thể, sự nghiệp, phủ định giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đẩy mạnh hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề *“Học*

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

5.2. Phương thức thực hiện

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:

+ Định hướng tuyên truyền, đôn đốc các cơ quan báo chí của tỉnh có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; tăng cường thời lượng tin, bài; tập trung nâng cao chất lượng chuyên trang, chuyên mục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch, tổ chức triển lãm về chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hoàn thành xây dựng Kế hoạch vào quý I, tổ chức triển lãm vào dịp kỷ niệm 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5).

+ Tổ chức Hội thi sân khấu hóa kể chuyện về gương điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thời gian: trong quý III/2023.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch, đổi mới phương thức tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; quan tâm tuyên truyền qua Internet, mạng xã hội, tạo sự lan tỏa sâu rộng về tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn xã hội.

6. Xây dựng mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng, triển khai một số mô hình mới trong thực hiện Kết luận 01-KL/TW và các mô hình thực tế tại địa phương, đơn vị; lựa chọn một số mô hình hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng để chỉ đạo các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đăng ký làm theo. Báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện mô hình về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy). Thời gian hoàn thành quý II/2023.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, tham mưu, đề xuất những mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hiệu quả, phù hợp, có khả năng nhân rộng ra địa bàn toàn tỉnh để Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện trong những năm tiếp theo. Thời gian hoàn thành tháng 7/2023.

7. Lựa chọn vấn đề trọng tâm, đột phá; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề nổi cộm, bức xúc trong Nhân dân

- Mỗi cấp ủy lựa chọn ít nhất 01 nhiệm vụ trọng tâm, đột phá liên quan đến lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội để triển khai thực hiện trong năm 2023; thường xuyên chỉ đạo nắm bắt, giải quyết kịp

thời những vụ việc nổi cộm, bức xúc tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo dõi, nắm bắt, tổng hợp những vấn đề nổi cộm, bức xúc qua báo chí và đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội toàn tỉnh, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo.

- Ban Dân vận Tỉnh ủy tiếp tục tham mưu, hướng dẫn, theo dõi kế hoạch tổ chức đối thoại giữa Bí thư cấp ủy với Nhân dân và doanh nghiệp.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy tiếp tục tham mưu, dương dẫn, theo dõi việc tiếp dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

- Các Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tăng cường giám sát theo chức năng nhiệm vụ, theo dõi, nắm bắt những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những vấn đề mới phát sinh để kiến nghị, tham mưu chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận các kiến nghị của các cơ quan, địa phương, đơn vị và của cá nhân, doanh nghiệp để lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan khối hành chính, chính quyền địa phương các cấp tập trung giải quyết những vụ việc nổi cộm, bức xúc, những kiến nghị chính đáng của Nhân dân và doanh nghiệp.

8. Tổ chức kiểm tra, giám sát, khảo sát việc tổ chức thực hiện Kết luận số 01-KL/TW

8.1. Nội dung

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW gắn với thực Kết luận số 21-KL/TW và các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức việc học tập và triển khai thực hiện chuyên đề năm 2023; dự và đánh giá kết quả tổ chức sinh hoạt chuyên đề hằng quý về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại một số chi bộ của cơ quan, đơn vị.

8.2. Phương thức và cơ quan thực hiện

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham mưu, thực hiện tốt Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiến hành khảo sát, đánh giá việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại một số địa phương, đơn vị (*ngoài các địa phương, đơn vị theo Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng và cấp ủy cơ sở xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra, giám sát, khảo sát trong phạm vi, chức năng của mình đảm bảo yêu cầu đề ra.

9. Tổ chức hội nghị đánh giá thực hiện Kết luận số 01-KL/TW và biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh báo cáo kết quả thực hiện; tùy điều kiện thực tế tổ chức hội nghị gắn với biểu dương điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác nghiêm túc. Thời gian hoàn thành: trước 30/4/2023.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:

+ Hướng dẫn nội dung đánh giá thực hiện Kết luận 01-KL/TW đối với huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh. Thời gian hoàn thành trước 15/02/2023.

+ Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả, tổ chức Hội nghị đánh giá thực hiện Kết luận số 01-KL/TW và biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác năm 2023. Thời gian tổ chức Hội nghị: dịp 19/5 - kỷ niệm 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban xây dựng Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW năm 2023 và các nội dung theo yêu cầu

tại mục II; tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại địa phương, đơn vị trực thuộc; báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) trước ngày 15/12/2023.

2. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nội dung chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo kết quả, phản ánh kịp thời và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo những vấn đề phát sinh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Cơ quan TT phía Nam - BTGTW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH Lâm Đồng,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD4.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đã ký

Trần Đình Văn

HƯỚNG DẪN

Học tập, quán triệt, tuyên truyền Chuyên đề năm 2023 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI”

Thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn học tập, quán triệt, tuyên truyền chuyên đề năm 2023 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI*” (Chuyên đề năm 2023), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền; giúp các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh nghiên cứu, học tập, làm sâu sắc thêm nội dung Chuyên đề năm 2023; cụ thể hoá các nội dung học tập phù hợp với tình hình, nhiệm vụ chính trị của các cấp uỷ, địa phương, cơ quan, đơn vị và chức trách, nhiệm vụ của cá nhân năm 2023.

- Tiếp tục đưa nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào các buổi sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề của các chi bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị, đoàn thể chính trị - xã hội. Thông qua việc học tập, quán triệt các nội dung Chuyên đề năm 2023 góp phần bồi đắp, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững.

2. Yêu cầu

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chuyên đề năm 2023 gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát, tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, nhất là

người đứng đầu.

- Việc học tập, quán triệt, tuyên truyền Chuyên đề năm 2023 phải được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định; phù hợp tình hình thực tế tại mỗi cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Nội dung, tài liệu

1.1. Nội dung:

- Chuyên đề toàn khoá nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*.

- Chuyên đề năm 2023: *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI”*.

1.2. Tài liệu:

- Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị *“Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*;

- Tài liệu *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*, do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn,

NXB Chính trị Quốc gia sự thật, năm 2021.

- Bài phát biểu kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 08/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện ý kiến phát biểu chỉ đạo và kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị *Văn hóa toàn quốc*.

- Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2023*”.

- Tài liệu chuyên đề năm 2023 của tỉnh do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn, phát hành.

- Một số tài liệu, mẫu chuyện về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn, phát hành trong những năm trước đây vận dụng phù hợp với chủ đề sinh hoạt hằng quý tại cơ sở.

- Những tài liệu liên quan trực tiếp đến đặc thù của chi bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị...

2. Hình thức, thời gian tổ chức học tập, quán triệt

2.1. Tổ chức đợt học tập, quán triệt trong toàn tỉnh

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ sở tổ

chức hội nghị toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động học tập, quán triệt Chuyên đề năm 2023.

Hoàn thành việc học tập, quán triệt trong tháng 02/2023.

- Báo cáo viên: Cấp ủy phân công các đồng chí trong Thường trực, Ban thường vụ; báo cáo viên là các đồng chí có uy tín, hiểu biết về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và có khả năng truyền đạt tốt.

2.2. Tổ chức sinh hoạt Chuyên đề năm 2023 trong sinh hoạt đảng, cơ quan, đoàn thể

2.2.1. Đối với các tổ chức đảng:

Tiếp tục tổ chức học tập các nội dung Chuyên đề năm 2023 trong sinh hoạt định kỳ, có thể theo gợi ý sau:

- Quý I/2023:

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; liên hệ công tác nêu gương tại chi bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị thời gian qua; đề ra giải pháp thực hiện trong năm 2023.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và phát triển kinh tế; vận dụng, liên hệ trong phát triển kinh tế của địa phương, của tỉnh thời gian qua...

- Quý II/2023: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và yêu cầu xây dựng nền văn hóa mới”; vận dụng, liên hệ trong việc xây dựng văn hóa Đảng, văn hóa

công sở của cơ quan, đơn vị và văn hóa giao tiếp ứng xử của cán bộ, đảng viên hiện nay.

- Quý III/2023: “Tur tưởng Hồ Chí Minh về xã hội, quản lý xã hội; vận dụng, liên hệ trong xây dựng, thực hiện các chính sách liên quan đến phát triển, quản lý xã hội, chính sách an sinh xã hội... tại cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Quý IV/2023: Đánh giá kết quả việc xây dựng, tổ chức thực hiện các mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của chi bộ, cơ quan, đơn vị; đánh giá kết quả cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận 21-KL/TW, các quy định của Đảng về nêu gương và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cá nhân năm 2023.

Lưu ý: Trong quán triệt, học tập Chuyên đề năm 2023 cần liên hệ sát với tình hình thực tiễn của chi bộ, đảng bộ, cơ quan, đơn vị; tập trung thảo luận, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm và biện pháp khắc phục.

- Trong sinh hoạt định kỳ hằng tháng, tùy tình hình cụ thể của chi bộ, đảng bộ, lựa chọn nội dung phù hợp để liên hệ, thảo luận; đồng thời đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch học tập, làm theo và ***nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu*** (biểu dương các trường hợp làm tốt; phê bình, kiểm điểm, đề ra các biện pháp khắc phục đối với các cá nhân còn hạn chế, khuyết điểm - nếu có). Trong quá trình sinh hoạt, chú ý lựa chọn các nội dung tương đồng trong Chuyên đề toàn khóa để lồng ghép quán triệt.

2.2.2. Đối với cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước:
Triển khai học tập các nội dung chuyên đề năm 2023 trong sinh hoạt định kỳ của cơ quan, đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 27/CT-TTg, ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các văn bản liên quan của Chính phủ, nhiệm kỳ 2021-2026; kết hợp lồng ghép vào các đợt tổng kết thi đua; tuyên truyền về kết quả thực hiện Kết luận 01-KL/TW, chuyên đề toàn khoá Đại hội XIII của Đảng và Chuyên đề năm 2023 trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị.

2.2.3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội các cấp: Xây dựng hướng dẫn và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung Chuyên đề năm 2023 trong sinh hoạt định kỳ gắn với kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập của tổ chức mình; tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, tọa đàm, giao lưu gặp mặt, tuyên truyền về kết quả thực hiện Kết luận 01-KL/TW, chuyên đề toàn khoá Đại hội XIII của Đảng và chuyên đề năm 2023 trên các ấn phẩm, bản tin, các hoạt động văn hoá, văn nghệ...

3. Công tác tuyên truyền

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan có liên quan tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và việc học tập, làm theo Bác trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

Tập trung giới thiệu những giá trị cốt lõi về tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chuyên đề toàn khoá, Chuyên đề năm 2023; những mô hình hay, cách làm hiệu quả, các gương tập thể, cá nhân điển hình, tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác, đặc biệt là sự gương mẫu của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị; thể hiện rõ tinh thần quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc... góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Đồng thời, gắn với tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử của đất nước, của các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Phát huy hình thức tuyên truyền miệng, tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số; tăng cường sử dụng các phương thức truyền thông trên nền tảng internet, mạng xã hội, hệ thống trực quan, phương tiện thông tin đại chúng; thông qua tọa đàm, hội thảo, giao lưu, văn hoá, văn nghệ, các buổi sinh hoạt chính trị, nói chuyện thời sự...

- Các cơ quan báo chí, phương tiện truyền thông mở, duy trì các chuyên trang, chuyên mục về học tập và làm theo Bác, nâng cao chất lượng tin, bài, ảnh; tăng cường các bài viết phê phán, đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp căn cứ tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn, phát hành, tổ

chức tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân đảm bảo thiết thực, hiệu quả và có sức lan toả.

- Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh; Cổng thông tin điện tử và Fanpage của các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền Kết luận số 01-KL/TW, Kế hoạch 69-KH/TU; nêu gương người tốt, việc tốt, những điển hình trong học tập và làm theo Bác, tạo sự lan tỏa sâu rộng về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc: Căn cứ nội dung hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện đến các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; kịp thời lãnh đạo, tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động học tập, quán triệt Chuyên đề năm 2023 và xây dựng kế hoạch cá nhân về học tập và làm theo Bác năm 2023 gắn với thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, sát chức năng, nhiệm vụ được giao.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổng hợp, theo dõi và tham mưu cho

Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin - Truyền thông, Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Bám sát nội dung hướng dẫn, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, trong đó xác định rõ nội dung và thời gian thực hiện trong từng tháng, quý, năm; đẩy mạnh tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình tuyên truyền đảm bảo sinh động, hấp dẫn, thiết thực, hiệu quả, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội.

3. Ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: chủ động tham mưu, cho cấp ủy chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, nhiệm vụ cụ thể của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Phối hợp với cơ quan có liên quan chỉ đạo hệ thống truyền thanh-truyền hình cấp huyện, truyền thanh cơ sở, tập trung vào những nội dung cơ bản của Chuyên đề năm 2023, những mô hình hay, cách làm hiệu quả, những tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tham mưu cấp ủy thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 19/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *tổ chức biểu dương, khen thưởng và gặp mặt các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong học*

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì phát sinh, các địa phương, đơn vị thông tin kịp thời với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Trung ương.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Các Ban xây dựng Đảng, VP Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- MTTQ, các đoàn thể, các hội của tỉnh,
- Các Sở: VH, TT&DL; TT&TT,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH Lâm Đồng,
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

TRƯỞNG BAN

Đã ký

Bùi Thắng

CHUYÊN ĐỀ

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI

I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG

Nêu gương chính là thực hành để những giá trị đạo đức và tài năng của người lãnh đạo được lan toả, dẫn dắt, truyền cảm hứng thúc đẩy mọi hành động của cấp dưới và người dân. Vấn đề nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên luôn được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm, đề cao. Đảng ta đã dùng sự gương mẫu, nêu gương để lãnh đạo cách mạng, lấy đó là 1 trong 5 phương thức lãnh đạo của Đảng - Một phương thức lãnh đạo khoa học, trí tuệ, đầy giá trị nhân văn để *“Đảng ta là đạo đức, là văn minh”*.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ, hy sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương đạo đức toàn vẹn, mẫu mực cho mọi người học tập và noi theo. Ở Người là sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa giáo dục đạo đức và nêu gương đạo đức, đạt tới sự nhất quán giữa công việc và đời tư, giữa đạo đức vĩ nhân và đạo đức đời

thường. Cuộc đời cách mạng của Người là minh chứng chân thực nhất để chúng ta thấy rõ: ***Giương mào là mệnh lệnh không lời! Giương mào là cách lãnh đạo tốt nhất!*** Học Bác về trách nhiệm nêu gương, cách nêu gương là làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người ngày càng thâm sâu, lan tỏa vào đời sống, trở thành cốt cách, tác phong của mỗi cán bộ, đảng viên.

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc “nêu gương” của mọi tổ chức, mọi lực lượng cách mạng và mọi cá nhân, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Theo Người, sở dĩ cần phải “nêu gương” là do đặc thù của nền văn hóa, đạo đức phương Đông luôn coi trọng tình cảm, luôn lấy cái tốt đẹp của người khác để làm tấm gương soi mình. Người viết: *“Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”*¹.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do đó để tập hợp được lực lượng, vận động được quần chúng, để được quần chúng tin tưởng, sẵn sàng tham gia và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, thì người đảng viên, người

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.171.

cán bộ lãnh đạo phải nêu gương. Vì thế, Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên không những phải có trách nhiệm tự tu dưỡng tốt, mà còn phải làm gương trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Người thường nói *“Không cần nói nhiều, mà làm cho thật nhiều. Những người tốt, những cán bộ tốt muốn làm việc to chứ không phải muốn làm quan lớn”*. Người nhấn mạnh *“Đảng không cần con số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên”*². Mà cái chất tốt nhất, đẹp nhất của người đảng viên là nêu gương, là gương mẫu.

Ngay từ khi bắt tay vào công tác huấn luyện cán bộ, Người đã luôn nhắc nhở mỗi cán bộ phải nêu cao tinh thần gương mẫu. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu người cách mạng tư cách phải chuẩn mực, phải thường xuyên rèn luyện, thực hành để thật sự là tấm gương trong các mối quan hệ: *(1) Đối với mình* không được tự cao, tự đại, tự mãn, kiêu ngạo, phải luôn học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân, phải tự phê bình mình như rửa mặt hàng ngày; *(2) Đối với người*, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, thật thà, không dối trá, lừa lọc, khoan dung, độ lượng; *(3) Đối với việc*, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ nguyên tắc “dĩ công vi thượng”, tức phải luôn đề việc công lên trên, lên

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập 12, tr.222.

trước việc tư.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền, trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” (năm 1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nêu ra 12 điều về ***Tư cách của Đảng chân chính cách mạng***. “Tư cách” ở đây chính là sự nêu gương, là tấm gương của sự phấn đấu hy sinh vì dân, vì nước bởi “*Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng*”. Do đó, “*Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác*”. Để trở thành người cách mạng chân chính, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương về Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, nêu cao đức tính tốt đẹp: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm; phải tránh xa những thói xấu như lừa dối, gian xảo, tham lam... Đồng thời, Người chỉ ra luận điểm rất quan trọng: “*Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn Nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước*”. Luận điểm ấy đã khẳng định rất rõ vấn đề nêu gương có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống đạo đức, nhất là đối với trách nhiệm, bổn phận của cán bộ, đảng viên. Muốn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi người phải nỗ lực hết mình, nhất là cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải là những “đầu tàu gương mẫu” trong mọi việc.

Không chỉ nói về việc nêu gương của cán bộ, đảng viên nói chung, ngay từ lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò nêu gương của người đứng đầu. Theo Người, người đứng đầu thực sự nêu gương tốt sẽ có ảnh hưởng tích cực rất lớn đối với cấp dưới và quần chúng Nhân dân. Trong bài nói chuyện tại phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ năm 1963, Người nhắc nhở: *Một điều rất quan trọng nữa là các đồng chí bộ trưởng, thứ trưởng và cán bộ lãnh đạo phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, phải nêu gương sáng về đạo đức cách mạng: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải giữ gìn tác phong gian khổ phấn đấu, phải không ngừng nâng cao chí khí cách mạng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Có như thế mới xứng đáng với đồng bào miền Nam đang chiến đấu vô cùng anh dũng chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng để giải phóng miền Nam và hoà bình thống nhất nước nhà. Nhân dân ta rất tốt. Nếu chúng ta làm gương mẫu và biết lãnh đạo thì bất cứ công việc gì khó khăn đến đâu cũng nhất định làm được*". Người khẳng định, người đứng đầu mà không nêu gương là không có trách nhiệm với Nhân dân, với Tổ quốc, với chính bản thân mình; là người không xứng đáng với vị trí lãnh đạo, đứng đầu.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần trách nhiệm là đưa tinh thần và lực lượng, tận tâm, tận lực làm cho đến nơi đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công, bất kỳ làm việc to hay nhỏ, dễ

hay khó. Làm cầu thả, làm cho có chuyện, dễ làm khó bỏ, đánh trống bỏ dùi, gặp sao làm vậy... là không có tinh thần trách nhiệm, là không có ý thức nêu gương. Khi mở đầu bài viết “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*”, Bác khẳng định “*Đảng viên đi trước, làng nước theo sau*”. Đây vừa là lời nhắc nhở, vừa là lời chỉ bảo ân cần của Người đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Cán bộ, đảng viên phải tiên phong trong suy nghĩ và hành động dù ở hoàn cảnh thuận lợi hay khó khăn, có như vậy quần chúng Nhân dân mới gương mẫu và noi theo.

Đề giáo dục bằng nêu gương đạt kết quả cao, Người đặc biệt coi trọng hai phương pháp:

(1) **Nói đi đôi với làm.** Đây vừa là phương pháp, vừa là nguyên tắc và phương châm trong nêu gương đạo đức; là biểu hiện sinh động, cụ thể của việc quán triệt sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, giữa suy nghĩ và hành động, giữa tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức của mỗi người. Trong đó, phải chú ý cả hai mặt “nêu gương nói” và “nêu gương làm”. “**Nêu gương nói**” là nói ít, nói trúng, nói những vấn đề thiết thực, nói đúng lòng mình, thật tâm, không dối trá, không nói một đằng làm một nẻo, không được hứa mà không làm. Cán bộ không phải ai cũng có khả năng hùng biện, nói hay như báo cáo viên, nhưng nói thật, nói phải, nói trúng thì ai cũng nhận ra cả. “Nêu gương nói” còn là nêu gương về sự nghiêm cứu, thấu đáo, nắm vững tình hình. Nếu không sát cơ sở, chỉ đạo theo

kiểu ngồi bàn giấy thì chẳng bao giờ nói trúng. Còn vấn đề **“nêu gương làm”** được hiểu một cách đơn giản nhất là dám nghĩ, dám làm, trách nhiệm cao, hiệu quả công việc lớn. Người cho rằng, với trình độ giác ngộ và dân trí ngày càng cao, không phải cứ nghe cán bộ nói là quần chúng sẽ làm theo mà họ xem việc cán bộ làm. Cán bộ, đảng viên *“cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh... phải thật thà nhúng tay vào việc”*.

(2) Lấy gương người tốt việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, tổ chức mới. Trong gia đình, cha mẹ có thể là tấm gương cho các con, anh chị là tấm gương đối với các em; trong nhà trường, thầy, cô giáo là tấm gương cho học trò; trong cơ quan, tổ chức thì cán bộ lãnh đạo là tấm gương cho cấp dưới, người này có thể nêu gương cho người khác... Trong cuộc sống hằng ngày, người cán bộ, đảng viên chẳng những phải có trách nhiệm tự tu dưỡng tốt để trở thành con người có đời tư trong sáng mà còn phải là tấm gương giúp Nhân dân nhìn vào đó làm những điều đúng, điều thiện, chống lại thói hư, tật xấu.

Một điều rất đặc biệt ở Chủ tịch Hồ Chí Minh mà không phải nhà lý luận, nhà chính trị nào cũng có được, đó là Người không chỉ đưa ra những tư tưởng, quan điểm rất đúng đắn về nêu gương mà chính Người còn là hiện thân cao đẹp nhất về trách

nhiệm nêu gương trước Đảng, trước Nhân dân. Phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện xuyên suốt trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Người kiên trì nêu gương về đạo đức còn nhiều hơn những điều Người nói và viết ra, địa vị càng cao, uy tín càng lớn, Người càng ra sức tự hoàn thiện. Chính bản thân Người là một tấm gương sáng ngời về phong cách nêu gương, Người không chỉ tiếp thu, kế thừa, bổ sung, phát triển và hoàn thiện lý luận về phương pháp, mà Người đã thực hành phong cách nêu gương một cách nhuần nhuyễn, hết sức mẫu mực và tự nhiên.

Khuyên Nhân dân rèn luyện thân thể để có sức khỏe kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công thì bản thân Người ngày nào cũng tập thể dục. Khuyên thanh niên tự học, Người đã là một tấm gương tự học suốt đời. Khuyên người khác biết trọng chữ tín, Bác rời Pác Bó hai năm, khi quay trở lại vẫn nhớ mang về cho cháu gái nhỏ người địa phương ở đó chiếc vòng bạc theo lời hứa trước khi tạm biệt.

Khuyên mọi người giản dị, tiết kiệm vì đất nước còn nghèo, Nhân dân còn đói khổ thì suốt cả cuộc đời Người luôn giản dị và tiết kiệm. Ở địa vị càng cao Người càng giản dị, trong sạch, cả một đời không xa xỉ, hoang phí. Khi đã là Chủ tịch nước, đôi tất của Người cũng vá nhiều lần mới thay. Đôi dép cao su như “đôi hài vạn dặm nhiều thâm niên”, tụt quai thì được đóng đinh sửa lại không biết bao

lần. Bát cháo Người ăn lúc mệt cũng được nấu lại từ cơm nguội cho khỏi lãng phí... Người chắt chiu như người cha lo cho một gia đình lớn khi cảnh nhà đông con mà còn túng thiếu. Chắt chiu, tần tiện nhưng vẫn rộng rãi, không hoang phí mà cũng không keo kiệt, ki bo. Chắt chiu để dành phần hơn cho người khác, tiết kiệm để giúp những người còn khó khăn hơn.

Không chỉ tiết kiệm tiền của, Người còn luôn nêu gương thực hành tiết kiệm thời gian, quý thời gian của mình và của người khác. Khi đã hẹn, dù đường có xa, trời có đổ mưa giông, Người vẫn có mặt đúng giờ. Người dạy, người chủ trì mà đi muộn hơn 10 phút thì thời gian lãng phí phải nhân 10 phút ấy với số người đã có mặt phải chờ đợi. Người chấp nhận bản thân vấp vả chứ không lùi, không dòi cuốc hẹn bởi không muốn người khác phải chờ đợi uổng công. Quý thời gian của con người là có hạn, người ta có thể làm lại một cái nhà, một con đường..., có thể lấy lại, làm lại rất nhiều thứ khác, nhưng không thể lấy lại được một tích tắc thời gian đã mất đi. Chính vì lẽ đó mà thời gian còn quý hơn vàng, bạc. Tiết kiệm thời gian là tiết kiệm thông minh và văn minh nhất. Người đã dạy cho chúng ta bài học quý giá biết bao. Sau này, cho đến tận phút lâm chung, Người vẫn không quên dặn lại: *“Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của Nhân dân”*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là tấm gương điển hình về việc thực hành sự công bằng, yêu thương

san sẻ cùng nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn, không dựa vào quyền cao chức trọng mà đàn áp kẻ yếu thế. Khi đi công tác, kể cả những chuyến đường rừng xa vất vả, Người cũng kiên quyết tự mình mang balô cá nhân, không để người khác phải gánh vác thay. Người nói: *“Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người”*. Khi nước nhà vừa giành được độc lập năm 1945, đứng trước nạn đói đang đến gần, Người kêu gọi đồng bào cả nước nhường cơm sẻ áo, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa, đem gạo đó để cứu dân nghèo, để những người nghèo có bữa rau bữa cháo chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói. Thời điểm này, tuy vừa trải qua trận ốm dài ngày “thập tử nhất sinh” tại Chiến khu Việt Bắc trước khi về Hà Nội cho nên còn rất gầy yếu nhưng Người vẫn gương mẫu thực hành để góp phần lấy gạo cứu dân nghèo. Những câu chuyện, sự việc dù nhỏ, nhưng có thể thấy truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam đã được Bác tiếp thu sâu sắc và nâng lên thành triết lý hành động cách mạng vì dân, vì nước trong mỗi con người.

2. Ý nghĩa, sự cần thiết và tầm quan trọng của việc nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

Trải qua 93 năm xây dựng và trưởng thành, nhất là sau hơn 35 năm đất nước thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng ta ngày càng khẳng định và coi trọng ý nghĩa, sự cần thiết và quan trọng của việc nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng

viên, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Ngày 07/6/2012, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy định số 101-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Trong đó, quy định rõ bảy nội dung nêu gương: 1- Về tư tưởng chính trị; 2- Về đạo đức, lối sống, tác phong; 3- Về tự phê bình, phê bình; 4- Về quan hệ với Nhân dân; 5- Về trách nhiệm trong công tác; 6- Về ý thức tổ chức kỷ luật; 7- Về đoàn kết nội bộ. Tiếp theo Quy định số 101-QĐ/TW, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016, về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, yêu cầu cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính

trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải “gương mẫu thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012, của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp”.

Trong Quy định số 08-QĐ/TW, không quy định theo từng lĩnh vực, nhưng quy định thành các điều, nêu rõ: Để thực hiện trách nhiệm nêu gương, cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phải đi đầu thực hiện trách nhiệm nêu gương, phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực, như chủ nghĩa cá nhân, nói không đi đôi với làm, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cửa quyền, lạm quyền, trục lợi...

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng. Nêu gương là trách nhiệm, bổn phận và là đạo lý của người đảng viên của Đảng trước Nhân dân; trách nhiệm nêu gương đó phải được thể hiện từ trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự phê bình, phê bình đến trong quan hệ với quần chúng, trách nhiệm trong công tác, “ý thức tổ chức kỷ luật,

đoàn kết nội bộ”.

Cùng với các Quy định về nêu gương, Đảng ta đã ban hành 03 Chỉ thị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đó là: Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 07/11/2006, của Bộ Chính trị (khóa X), về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011, của Bộ Chính trị (khóa XI), về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, của Bộ Chính trị (khóa XII), về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, của Bộ Chính trị (khóa XII), về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về nêu gương đã từng bước đi vào nền nếp, trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiềm chế, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà

nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ việc học tập và làm theo Bác, ngày càng xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến, việc làm tốt, có sức lan tỏa trong cuộc sống.

Trên cơ sở các quy định, chỉ thị, kết luận của Đảng, Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã kịp thời ban hành các quy định, kết hoạch để thực hiện, trong đó có Quy định 07-QĐ/TU ngày 22/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh”*. Qua quá trình thực hiện đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ý thức, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên được nâng lên. Cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu thể hiện tính gương mẫu về tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc, tích cực trong nghiên cứu, học tập, năng động, sáng tạo. Từ đó luôn tạo được sự đoàn kết, thống nhất cao trong hệ thống chính trị, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Đa số cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên các cấp nhận thức đầy đủ, sâu sắc mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nêu gương, tự rèn luyện, phấn đấu, gương mẫu trong cuộc sống, công tác, rèn luyện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức, lối sống, chống lại các biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, những biểu

hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác; sửa đổi phong cách, lề lối làm việc, qua đó từng bước củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về nêu gương trên cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng còn bộc lộ những vấn đề đáng suy nghĩ và quan tâm, đã được các cấp ủy và Đảng ta thẳng thắn chỉ rõ: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở, suy thoái về tư tưởng chính trị. Việc xác định, thực hiện nội dung nêu gương trong cán bộ, đảng viên còn lúng túng. Còn tình trạng một số cán bộ, đảng viên, cấp ủy các cấp sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm, bị xử lý kỷ luật và xóa tên khỏi danh sách đảng viên...

Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) nêu rõ: “*Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn...*”; đặc biệt Kết luận số 21-KL/TW, Hội nghị Trung ương 4 (khoá XIII) khẳng định: “*Một bộ phận cán bộ, đảng viên trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây*

dựng, chinh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tự phê bình và phê bình, công tác kiểm tra, giám sát của nhiều tổ chức đảng còn hạn chế,...”. Tình trạng thiếu tự giác nhận khuyết điểm, đổ lỗi, nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi, thấy sai không dám đấu tranh, thấy đúng không dám bảo vệ; nhiều cán bộ, đảng viên không dám nhận khuyết điểm, sai phạm của mình. Tình trạng mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ diễn ra ở một số cơ quan, đơn vị chưa được giải quyết kịp thời; vẫn còn một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo ngại khó khăn, gian khổ, đùn đẩy, né tránh, không sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi tổ chức phân công...

Nguyên nhân chủ yếu là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thậm chí còn cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ với lợi ích vật chất, thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của Nhân dân.

Điều đó đã gây ra dư luận xấu trong xã hội, làm giảm niềm tin, uy tín chính trị và thanh danh của Đảng trong Nhân dân, giảm sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, là nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Đây là một nguy cơ rất lớn, bởi vì, một khi quần chúng Nhân dân đã mất niềm tin vào đạo đức của người cầm quyền, người lãnh đạo thì niềm tin chính trị của họ cũng không còn, đúng như cảnh báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi qua đời: *“Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”*.

Vì vậy, hơn bao giờ hết, nêu gương phải được coi là bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm; đồng thời, phải có tính tự giác, tự nguyện, trở thành một nhu cầu văn hóa trong lối sống, lối sống và nếp sống hằng ngày của mỗi người, trước hết là của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, bởi ***không nêu gương, cán bộ, đảng viên sẽ tự suy thoái***.

3. Đẩy mạnh học tập và làm theo Bác, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay

Để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành lối sống, nếp nghĩ, cách làm của từng cán bộ, đảng viên, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải phát huy tốt vai trò nêu gương của

mình trong học tập và làm theo Bác.

Một là, từng cán bộ, đảng viên phải phát huy tốt vai trò, trách nhiệm nêu gương trong học tập và làm theo Bác với tinh thần toàn diện, thường xuyên, liên tục. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương và thành thực nêu gương từ trong suy nghĩ đến hành động, đảm bảo toàn diện đối với bản thân mình, đối với người và đối với công việc; phải làm gương thường xuyên từ việc nhỏ đến việc lớn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nói đi đôi với làm.

Hai là, người đứng đầu, người có chức vụ càng cao, cương vị càng lớn càng cần phải nêu gương, tăng cường thực hành nêu gương trong rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách làm việc, học tập, sinh hoạt trước cán bộ, đảng viên và Nhân dân, khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu “trên trước, dưới sau”, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Phải lấy âm no, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thực hành phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, hiệu quả; thực sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể. Chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả công tác cải cách hành chính, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ; khuyến khích mô hình, cách làm mới, hiệu quả. Năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tích cực giải quyết dứt điểm các vấn đề phức tạp, bức xúc, tồn đọng kéo dài; chủ động, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống khẩn cấp, đột xuất bất ngờ tại địa phương, lĩnh vực chính phủ trách.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ kế cận. Chủ động, tích cực phát hiện, thu hút, trọng dụng người có đức, có tài, khát khao cống hiến. Bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp của Đảng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì sự ổn định, phát triển của địa phương. Nghiêm túc thực hành tự phê bình và phê bình; thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh; không tranh công, đổ lỗi. Dũng cảm nhận khuyết điểm và trách nhiệm. Chủ động xin từ chức khi thấy mình không còn đủ điều kiện, đủ năng lực, uy tín để thực hiện nhiệm vụ. Rèn luyện lối sống giản dị, tiết kiệm, chống xa hoa, lãng phí.

Ba là, nêu gương của cán bộ, đảng viên phải thông qua hoạt động thực tiễn, bằng những việc làm cụ thể. Trọng tâm là nêu gương trong đổi mới tư duy; trong hành động triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức, cá nhân; trong cải cách hành chính, tác phong, lề lối làm việc. Phải “*miệng nói tay làm, phải tùy hoàn cảnh mà tổ chức giúp đỡ Nhân dân thực sự, không phải chỉ dân vận bằng diễn thuyết*”, đã nói thì phải làm, đã làm thì phải hiệu quả vì lợi ích chung của tập thể, của Nhân dân. Thông qua hoạt động thực tiễn, những tấm gương về học tập và làm theo Bác sẽ lan tỏa và in đậm trong mỗi cơ quan, đơn vị và trở thành mẫu số chung để mọi người học tập và làm theo. Đồng thời, cũng là điều kiện, tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên cũng như kết quả thực hiện việc học tập và làm theo Bác của mỗi cơ quan, đơn vị.

Bốn là, từng cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là về nội dung tự giác nêu gương để không ngừng bồi dưỡng trí tuệ, năng lực, phẩm chất của mình. Qua đó, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận, năng lực tổng kết để giải quyết hiệu quả những vấn đề đang đặt ra, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả trong công tác tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Năm là, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, gắn với vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu theo tinh thần Quy định số 07-QĐ/TU ngày 22/5/2019 và Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng với chủ đề năm 2023: “Quyết liệt, đồng bộ, đột phá; kỷ cương, nêu gương, trách nhiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI”.

Chú trọng đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng. Đẩy mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng, biểu

ương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác. Quan tâm nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Lâm Đồng gắn với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp các dân tộc trong tỉnh, gắn kết chặt chẽ giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, kinh doanh và giao tiếp xã hội. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn, tiếp tục xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, quy định tự phê bình và phê bình, đấu tranh không khoan nhượng với các biểu hiện “tránh việc mới, né việc khó”, thờ ơ, vô cảm trước những bức xúc của Nhân dân. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ. Vận dụng linh hoạt các biện pháp xử lý, tạo môi trường thuận lợi để phòng, chống có hiệu quả biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

II. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

Từ lúc ra đi tìm đường cứu nước để giải phóng đồng bào, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến một xã hội mới, một cuộc sống mới ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Muốn có cuộc sống mới đó, trước tiên phải giành lại độc lập cho dân tộc, kế đó phải xây dựng đất nước

vững mạnh cả về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Người chỉ rõ: Nước độc lập mà dân không được hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì!

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn lại: *“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân”*³.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và phát triển kinh tế

1.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế

Thuật ngữ “kinh tế” trong tư tưởng Hồ Chí Minh được Người chỉ ra với hai nghĩa cơ bản:

- *Nghĩa rộng*: Là hệ thống các quan hệ sản xuất xã hội, hệ thống này gắn với trình độ phát triển của sức sản xuất xã hội (quan điểm sức sản xuất xã hội được Hồ Chí Minh nêu lên trong tác phẩm “Thường thức chính trị” - 1953).

- *Nghĩa hẹp*: Nền kinh tế Việt Nam vừa mới thoát ra khỏi chế độ thuộc địa nửa phong kiến với đặc điểm, cơ cấu, cách thức quản lý và nội dung, biện pháp cần phải thực hiện để xây dựng nền kinh tế trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhằm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, đem lại cho Nhân dân cuộc sống ngày càng no đủ hơn.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế là một hệ thống các quan điểm, lý luận được rút ra từ

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.511.

thực tiễn xây dựng và phát triển nền kinh tế cho chế độ mới ở Việt Nam, kế thừa và nâng cao những giá trị trong tư tưởng xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất của dân tộc Việt Nam cùng những tinh hoa của tư tưởng kinh tế nhân loại mà cốt lõi là chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý kinh tế của quá trình phát triển đất nước từ sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với cơ cấu kinh tế hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến, đủ khả năng để không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân.

1.2. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, kinh tế trước hết là vì con người, phát triển kinh tế là để nâng cao đời sống của Nhân dân.

Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều luận điểm, tư tưởng chỉ đạo sáng suốt, có tính nguyên tắc. Đó là:

1.2.1. Phát triển kinh tế là nhiệm vụ quan trọng nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Xuất phát từ đặc điểm nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, sức sản xuất chưa phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân thấp kém, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "...nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội,... có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn

hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”⁴.

1.2.2. Phải xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp và nông nghiệp hợp lý

Người khẳng định: “Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có hai chân là công nghiệp và nông nghiệp... hai chân không đều nhau, không thể bước mạnh được”. Nông nghiệp phải phát triển mạnh để cung cấp đủ lương thực cho Nhân dân;... Công nghiệp phải phát triển mạnh để cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho Nhân dân, trước hết là cho nông dân; cung cấp máy bơm nước, phân hóa học, thuốc trừ sâu... để đẩy mạnh nông nghiệp và cung cấp dần máy cày, máy bừa cho các hợp tác xã nông nghiệp. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, sung sướng cho Nhân dân.

1.2.3. Tất yếu khách quan phải tiến hành công nghiệp hóa

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thực sự của Nhân dân ta. Trong bài Con đường phía trước (ngày 20/01/1960), Người viết: “Đời sống Nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.13.

xuất một cách thật rộng rãi: Dùng máy móc cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Máy sẽ chấp thêm tay cho người, làm cho sức người tăng lên gấp trăm, nghìn lần và giúp người làm những việc phi thường. Muốn có nhiều máy, thì phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, thép, than, dầu... Đó là con đường phải đi của chúng ta: Con đường công nghiệp hóa nước nhà”⁵.

1.2.4. Các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và định hướng lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế.

Người chỉ ra rằng, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn các hình thức sở hữu chính: “Sở hữu của nhà nước tức là của toàn dân. Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của Nhân dân lao động. Sở hữu của người lao động riêng lẻ. Tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản”⁶.

Tương ứng với chế độ sở hữu là thành phần kinh tế. Hồ Chí Minh xác định: “Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại kinh tế khác nhau: A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của Nhân dân); B- Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội); C- Kinh tế của cá nhân,

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.40-41.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.588.

nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội); D- Tư bản của tư nhân; E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A- Kinh tế quốc doanh, là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản”⁷.

Để xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần như trên, Hồ Chí Minh đưa ra chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ gồm bốn điểm mấu chốt:

Một là, công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên chúng ta phải ra sức phát triển nó và Nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế thì phải trừng trị. Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số Nhân dân.

Hai là, chủ thợ đều lợi. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột Nhân dân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ quyền lợi của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.294.

cầu quá mức. Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên.

Ba là, công nông giúp nhau. Công nhân ra sức sản xuất nông cụ và các thứ cần dùng khác, để cung cấp cho nông dân. Nông dân thì ra sức tăng gia sản xuất, để cung cấp lương thực và các thứ nguyên liệu cho công nhân. Do đó mà càng thắt chặt liên minh giữa công nông.

Bốn là, lưu thông trong ngoài. Ta ra sức khai thác lâm thổ sản để bán cho các nước bạn và để mua những thứ ta cần dùng. Các nước bạn mua những thứ ta đưa ra và bán cho ta những hàng hóa ta chưa chế tạo được. Đó là chính sách mậu dịch, giúp đỡ lẫn nhau rất có lợi cho kinh tế ta.

1.2.5. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho Nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc”, “Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống”⁸. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sản xuất và tiết kiệm gắn với nhau như một phương châm. Phải luôn thực hành trong một nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu lại phải chịu nhiều bom đạn chiến tranh, chịu nhiều thiên tai

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.257.

bất thường. Phát triển sản xuất để tăng sản phẩm xã hội và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là hai mặt biện chứng trong các chặng đường phát triển đất nước, nâng cao đời sống Nhân dân.

Đồng thời, Người căn dặn trong phát triển kinh tế phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu là những “giặc nội xâm”, đồng minh với giặc ngoại xâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, ba căn bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu “là kẻ thù của Nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ”. Loại kẻ thù này “khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”. Dù có cố ý hay không, tham ô, lãng phí, quan liêu “cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến”. “Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính. Nó “phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của Nhân dân. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”.

1.3. Sự vận dụng của Đảng ta về phát triển kinh tế trong công cuộc đổi mới

Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) đã mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ đổi mới toàn diện, triệt để và sâu sắc mọi mặt đời sống của đất nước, trong đó có lĩnh vực kinh tế, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tuy vậy, khởi đầu công cuộc đổi mới, Đảng chưa đề cập tới phát triển nền kinh tế thị trường. Về cơ cấu

kinh tế, nổi bật nhất là quan điểm phải đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cho phép và khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể phát triển trong những ngành nghề, lĩnh vực nhất định, coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn, điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành...

Về cơ chế quản lý kinh tế, Đảng chỉ rõ, việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ; trong đó, tính kế hoạch là đặc trưng số một, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng thứ hai; quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của người lao động. Phải có chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ; phân biệt rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở...

Như vậy, có thể thấy, trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới, Đảng mới nêu ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, chưa đề cập đến cơ chế thị trường và phát triển nền kinh tế thị trường. Tuy vậy, đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về con đường và phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thể hiện sự nhận thức và vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự nhận thức và vận dụng quan điểm kinh tế của V. I. Lê-nin về thời kỳ quá độ, đồng thời đã đặt cơ sở, nền tảng quan trọng để các nhân tố mới ra đời, khẳng định mình, tạo tiền đề cho giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế nước ta.

Trên cơ sở kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tổng kết thực tiễn những tìm tòi, sáng tạo và có kết quả tốt của các cơ sở kinh tế, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989), Đảng đã khẳng định thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, coi đây là chính sách có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, tại hội nghị này, lần đầu tiên Đảng khẳng định rằng, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường xã hội là một thể thống nhất, thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới với nhiều lực lượng khác nhau tham gia lưu thông hàng hóa, đồng thời đề cập đến cơ chế thị trường. Mặc dù chưa được đề cập trực tiếp với

tư cách là cơ chế quản lý nền kinh tế, song Đảng cũng chỉ rõ, cơ chế thị trường phải được vận dụng nhất quán trong kế hoạch hóa và các chính sách kinh tế.

Đến Đại hội VII (6/1991), tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VI, Đảng tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, đồng thời nêu rõ, cơ chế vận hành nền kinh tế là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Trong cơ chế đó, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh; hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp; Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Bên cạnh đó, Đảng cũng chỉ rõ, phải xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường, xóa bỏ độc quyền và đặc quyền ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Như vậy, đây là lần đầu tiên Đảng đề cập đến cơ chế thị trường với tư cách là cơ chế vận hành nền kinh tế. Mặc dù chưa đề cập đến kinh tế thị trường và thị trường mới được thừa nhận ở một mức độ giới hạn (sử dụng thị trường trong phạm vi cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch), song, có thể nói, từ chỗ nhiều năm tẩy chay, kỳ thị cơ chế thị trường đến chỗ sử dụng cơ chế thị trường để điều hành nền kinh tế là một bước tiến lớn trong nhận thức, trong tư duy kinh tế của Đảng ta.

Đến Đại hội VIII (6/1996), trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới (1986 - 1996), Đảng đã rút ra một số

kết luận mới về mối quan hệ giữa sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa xã hội, giữa kế hoạch hóa và thị trường, giữa thị trường trong nước và quốc tế, giữa quyền quản lý của Nhà nước và quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, về phân phối và lấy đó làm cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, tiếp tục tạo lập đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội IX (4/2001), khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mới chính thức được sử dụng trong các văn kiện của Đảng. Và cũng từ Đại hội này, Đảng xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm rõ một số khía cạnh liên quan đến nội hàm của mô hình kinh tế này:

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng

góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

- Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; đều được khuyến khích phát triển trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm.

- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

- Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của Nhân dân lao động, của toàn thể Nhân dân.

Bên cạnh đó, Đảng ta cũng chỉ rõ, để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt cần tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước theo hướng hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với các nhiệm vụ thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, triệt để xoá bỏ bao cấp trong kinh doanh; đổi

mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo hướng giảm mạnh, tiến tới xóa bỏ sự phân biệt về chính sách và pháp luật giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Như vậy, mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội về cơ bản vẫn kế thừa những nội dung trước đó, nhưng nội hàm đã được mở rộng hơn.

Đến Đại hội X (4/2006), trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, nhìn lại 20 năm đổi mới, Đảng tiếp tục khẳng định mô hình kinh tế đã được lựa chọn đồng thời nhấn mạnh, để đi lên chủ nghĩa xã hội, phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế với các nhiệm vụ chủ yếu sau: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống

pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp, xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu, định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Đặc biệt, tại Hội nghị Trung ương 6 khoá X (01/2008), Đảng đã đưa ra một số kết luận mới về kinh tế thị trường, khả năng sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời xác định mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các quan điểm nói trên về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được **Đại hội XI (01/2011)** của Đảng khẳng định và cụ thể hóa thêm

trên một số phương diện gắn với việc giải quyết các nhiệm vụ cấp bách của nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay và mục tiêu phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Đại hội khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”.

Bên cạnh đó, Đảng cũng chỉ rõ, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, phải tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng đồng bộ và hiện đại. Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới trên cơ sở tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường. Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Đại hội XII (01/2016) của Đảng tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo đó, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Cụ thể hơn, Đại hội khẳng định: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ

môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội XIII (01/2021) của Đảng, lĩnh vực kinh tế được thể hiện chủ yếu ở ba báo cáo: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Cả ba báo cáo có nhiều điểm mới, nổi bật cả về nội dung và cách trình bày, được khái quát trong các phần về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về hội nhập kinh tế quốc tế.

Vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là vấn đề lớn, quan trọng và nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng từ Đại hội XI đến nay, đồng thời còn có sự gắn kết giữa các quá trình và phạm vi cơ cấu lại được mở rộng từ chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực ra toàn bộ nền kinh tế.

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập đến nội dung trên, nhưng nhấn mạnh mô hình tăng trưởng mới cần tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể là: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới

sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”.

Vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”.

Đại hội lần này xác định nội dung cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng.

Đại hội thể hiện rất rõ quan điểm: công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và

những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

Tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Điểm mới nổi bật là xác định mối quan hệ giữa nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh bằng các biện pháp cụ thể như cơ chế chính sách phát triển, ưu tiên khoa học - công nghệ, gắn nông nghiệp với công nghiệp và thị trường...

Về phát triển kinh tế biển, Văn kiện Đại hội XIII đề cập đến nội dung này một cách tổng thể, trong đó chú ý phát triển kinh tế biển gắn với an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế gắn với môi trường và phòng, chống thiên tai; phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị ven biển.

Về nội dung phát triển đô thị, Văn kiện Đại hội XIII đề cập gọn hơn, tập trung vào hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị, nhấn mạnh xây dựng đô thị văn minh, thông minh phù hợp với văn hóa vùng, miền. Văn kiện nêu rõ: "Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương; tăng cường quản lý đô thị, phát triển các đô thị vệ tinh, hạn chế xu hướng tập trung quá mức vào các đô thị lớn. Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đô thị thông minh,

đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc, văn hóa ở từng địa phương"...

Xây dựng kết cấu hạ tầng được khẳng định là nội dung quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Đây được xác định là một trong ba đột phá chiến lược, đến nay nội dung này vẫn còn nguyên ý nghĩa. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tập trung vào những trọng tâm mới để giải quyết được những vấn đề còn hạn chế và đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến nâng cao chất lượng quy hoạch vùng; đổi mới, hoàn thiện thể chế quản lý vùng có hiệu quả, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của từng vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng. Sáp nhập hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã, huyện, phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương.

Báo cáo chiến lược nhấn mạnh xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng, liên vùng để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới.

Tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII như sau: “Nhận thức

về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với các yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới...”.

Như vậy, kể từ khi Đảng ta khởi xướng và tiến hành công cuộc đổi mới (1986) cho đến nay, quan niệm về vai trò, chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước đã được đổi mới một cách căn bản, từ quan niệm Nhà nước trực tiếp chỉ huy toàn bộ nền kinh tế theo một kế hoạch tập trung, thống nhất mang tính pháp lệnh từ trên xuống chuyển sang phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng quản lý kinh doanh (chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chủ sở hữu tài sản công thuộc về Nhà nước, còn chức năng quản lý kinh doanh thuộc về doanh nghiệp). Từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch, phủ nhận vai trò của thị trường đã đi đến thừa nhận thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch; kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và trên bình diện vĩ mô, còn thị trường giữ vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh. Từ chỗ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính chuyển sang quản lý bằng pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết vĩ mô khác trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường.

Đây là những bước tiến cơ bản, quan trọng trong nhận thức của Đảng về phát triển kinh tế, về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và yêu cầu xây dựng nền văn hóa mới

2.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa

Khóa họp lần thứ 24 của Đại Hội đồng UNESCO tại Pari từ ngày 20/10 - 20/11/1987 đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là “*Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam*”⁹.

Theo Nghị quyết của UNESCO, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của tinh thần dân tộc, Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Hồ Chí Minh là một con người hội tụ nhiều tư tưởng thể hiện khát vọng của các dân tộc trên thế giới trong việc*

⁹ Công văn số 465-CV/BTGTW ngày 10/3/2011 của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng về việc sử dụng cụm từ tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết: “Căn cứ vào Nghị quyết của Tổ chức Văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) năm 1987 về việc tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như ảnh hưởng của Người và dân tộc Việt Nam đối với các nước trên thế giới, cụm từ: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam*” đã bao hàm sự tôn vinh đối với Người.

khẳng định bản sắc văn hóa và trong những nỗ lực nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau”¹⁰.

Hầu hết các loại từ điển khẳng định rằng: văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử và tiêu biểu cho trình độ mà xã hội đã đạt được trong từng giai đoạn về các mặt học vấn, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, triết học, đạo đức, sản xuất...

Chủ tịch Hồ Chí Minh có bốn cách tiếp cận chủ yếu về văn hóa: (1) Tiếp cận theo nghĩa rộng, tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt của con người; (2) Tiếp cận theo nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng; (3) Tiếp cận theo nghĩa hẹp hơn là bàn đến các trường học, số người đi học, xóa nạn mù chữ, biết đọc, biết viết; (4) Tiếp cận theo “phương thức sử dụng công cụ sinh hoạt”.

Tháng 8/1943, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhân mạnh ý nghĩa của văn hóa. Người viết: *“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện*

¹⁰ Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Đặc san thông tin tư liệu*, số 27, tháng 6/2010, tr.10.

của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹¹.

2.2. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu của cách mạng. Cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội bao gồm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Như vậy, văn hóa là một mục tiêu của cách mạng. Mục tiêu đó - nhìn một cách tổng quát - là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của Nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội trong đó dân là chủ và dân làm chủ, công bằng, văn minh, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực của cách mạng được hiểu là thúc đẩy xã hội phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho ta một nhận thức về động lực phát triển đất nước, bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực cộng đồng và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tất cả quy tụ ở con người và đều có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở nhiều phương diện:

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tập t.3, tr.458.

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa *soi đường cho quốc dân đi*, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Tư duy biện chứng, độc lập, tự chủ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên là một động lực lớn dẫn đến tư tưởng và hành động cách mạng có chất lượng khoa học và cách mạng.

Văn hóa - văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội. Với sứ mệnh “trồng người”, văn hóa giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức, pháp luật nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ; bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

Văn hóa là một mặt trận. Văn hóa là một trong bốn nội dung chính của đời sống kinh tế - xã hội, quan trọng ngang các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Nói mặt trận văn hóa là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa. Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa.

Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt

là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa - nghệ thuật. Vì vậy, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Văn hóa phục vụ quần chúng Nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh là vì Nhân dân. Tư tưởng văn hóa của Người phản ánh khát vọng hạnh phúc của Nhân dân, phục vụ Nhân dân. Theo Người, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Sáng tác của quần chúng như tục ngữ, ca dao là những hòn ngọc quý. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Quần chúng là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

2.3. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong khi đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với 05 nội dung: Xây dựng tâm lý là tinh thần độc lập tự cường; Xây dựng luân lý là biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; Xây dựng xã hội, là mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của Nhân dân;

Xây dựng chính trị là một nền chính trị dân quyền;
Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943 trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* về phương châm xây dựng nền văn hóa mới, đó là một nền văn hóa có tính chất *dân tộc, khoa học, đại chúng*.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Người chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, dân chủ, tiến bộ và nhân văn, hướng đến các giá trị chân - thiện - mỹ.

2.4. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

- *Quan hệ giữa văn hóa với chính trị*: Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.

- *Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế*: Văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế.

- *Quan hệ giữa văn hóa với xã hội*: Giải phóng về chính trị thì văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Phải làm cách mạng giải

phóng dân tộc, giành chính quyền về tay Nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên địa vị cầm quyền, thì mới giải phóng được văn hóa.

- *Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại*: Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ: *Về nội dung*, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc,... *Về hình thức*, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống, cách cảm và nghĩ,...

Trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ. Mối quan hệ giữa giữ gìn cốt cách dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

2.5 Quan điểm của Đảng ta về xây dựng văn hóa trong giai đoạn hiện nay

2.5.1. Sự cần thiết phải đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong giai đoạn hiện nay

Con người Việt Nam đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa, với nền kinh tế tri thức và cuộc cách

mạng công nghiệp lần thứ 4 có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen.

Trong dòng chảy của văn hóa Việt Nam sau hơn 35 năm đổi mới cho thấy, nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Tư tưởng, đạo đức và lối sống - lĩnh vực then chốt của văn hóa đã có những chuyển biến tích cực; hệ thống chính sách pháp luật về văn hóa tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa; công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm; tổ chức tốt hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam ra thế giới. Thực tiễn đã chứng minh, những lúc đất nước khó khăn thì các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ; lòng yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái, sống có nghĩa, có tình, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam lại càng tỏa sáng; cả dân tộc kết thành một khối thống nhất về ý chí và hành động. Văn hóa đã có những đóng góp tích cực, quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển, lĩnh vực văn hóa còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập: Đã xuất hiện các hiện tượng văn hóa tầm thường, dễ dãi, mang tính thị trường; các biểu hiện “lệch chuẩn” trong hưởng thụ văn hóa. Môi trường văn hóa, đạo đức xã hội, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, văn minh công cộng chưa được xây dựng theo hướng văn hóa...

*Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”*¹².

Đại hội XIII của Đảng thẳng thắn đánh giá: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tầm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Môi trường văn hóa, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn... Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội”.

Vấn đề đặt ra hiện nay là phải thấy hết thuận lợi và khó khăn, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật về những ưu điểm và hạn chế để có biện pháp xây

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.124-125.

dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điểm mấu chốt, sống còn hiện nay là củng cố lòng tin của Nhân dân. Cùng với quan tâm phát triển kinh tế, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia; suy giảm tăng trưởng kinh tế, sớm hoặc muộn sẽ khắc phục được, nhưng mất lòng tin của Nhân dân với Đảng và chế độ là mất tất cả.

2.5.2. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng và phát triển văn hóa

Xây dựng, phát triển văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng đối với mục tiêu phát triển và tiến bộ xã hội vì nó góp phần kiến tạo nền tảng tinh thần cho đất nước; tạo động lực, nguồn lực nội sinh cho sự phát triển bền vững đất nước và khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, Đảng ta luôn chú trọng công tác xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa hiện nay.

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Đảng ta khẳng định: Con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (7/1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản, khẳng định “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Phải làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện,

mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo tinh thần các nghị quyết của Đảng, chúng ta phải nhận thức sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ khái niệm văn hóa và vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững. Mỗi bước đi lên, phát triển của đất nước đều có dấu ấn và sự khai sáng của văn hóa. Cần phải nhận thức những yếu tố bản chất của văn hóa như văn hóa gắn với con người, phản ánh những mặt căn cốt như tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử. Văn hóa còn thì chế độ còn, văn hóa mất thì chế độ mất; không gì đáng sợ bằng văn hóa lâm nguy. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần *dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học*; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Muôn việc thành công hay thất bại của cá nhân, tổ chức, cộng đồng, đất nước đều do có văn hóa hay tha hóa về văn hóa. Tập trung xây dựng văn hóa chính trị và các lĩnh vực văn hóa khác như văn hóa bốn phạm, văn hóa công bộc, văn hóa ứng xử, văn hóa phê bình... Nhận thức và

giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014) khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”.

Ngày 04/6/2020, Bộ Chính trị khóa XII ban hành *Kết luận số 76-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW* nhấn mạnh: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của văn hoá trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa đặc biệt của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, xác định một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền

văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước... Tập trung nghiên cứu và triển khai xây dựng *hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam* gắn với *giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam* trong thời kỳ mới. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là thanh niên...”.

Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là một sự kiện đặc biệt quan trọng, tiếp tục khẳng định, làm rõ quan điểm, đường lối nhất quán của Đảng về phát triển văn hóa trong giai đoạn mới. Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần khẳng định vai trò to lớn của văn hóa: “Văn hóa còn là dân tộc còn”. Để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ *06 nhiệm vụ*:

(1) Khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn

dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, tầm nhìn 2045 mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

(2) Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo...

(3) Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa: bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa; bảo vệ những giá trị chân - thiện - mỹ. Nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước.

(4) Phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là Nhân dân; tôn trọng và bảo vệ sự biểu đạt đa dạng của văn hóa, của người dân, các

dân tộc, các vùng, miền; phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, bảo đảm sự công bằng.

Đề cao, phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của những người làm công tác văn hóa.

(5) Chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu theo tư tưởng, đạo đức, phong cách văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng; hiệu quả quản lý của Nhà nước; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp phát triển văn hóa.

(6) Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh.

Về những giải pháp trong thời gian tới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ Trung ương đến cơ sở để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, cần quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển "sức mạnh mềm" của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội

3.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển xã hội

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển xã hội là một bộ phận cấu thành tư tưởng Hồ Chí

Minh; chứa đựng những giá trị tiến bộ, nhân văn và phát triển; tiếp tục định hướng, soi đường cho sự nghiệp xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thúc đẩy sự phát triển toàn diện, hài hòa trong giai đoạn hiện nay.

“Xã hội” theo nghĩa hẹp là một phương diện của cấu trúc “xã hội tổng thể” (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội); là tập hợp các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội, gia đình và cá nhân con người. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển xã hội là một bộ phận của tư tưởng về giải phóng dân tộc, giai cấp, xã hội, con người; phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam và mang giá trị vượt thời gian; có ý nghĩa định hướng cho thúc đẩy, bảo vệ quyền con người và xây dựng xã hội phát triển.

3.1.1. Khi chưa giành được độc lập dân tộc, mâu thuẫn chung đặt ra đối với mọi giai cấp, tầng lớp và thành viên trong xã hội là đấu tranh giành cho được độc lập dân tộc, quyền của mỗi con người nằm chung trong cuộc đấu tranh cho quyền của dân tộc.

Giải phóng xã hội ở đây chính là giải phóng dân tộc với mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt là đánh đuổi đế quốc thực dân, giành chính quyền về tay Nhân dân. Bởi lẽ, không giành được độc lập dân tộc thì không thể nói đến quyền phát triển của mỗi giai tầng xã hội hay cá nhân con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán gay gắt tính *phản phát triển của xã hội thuộc địa* trong nhiều tác phẩm, bài báo vào thập niên 20 của thế kỷ trước,

n như sưu cao, thuế nặng, đầu độc Nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện, áp dụng nền giáo dục ngu dân và duy trì những hủ tục để trói buộc Nhân dân... Vì thế, không thể có sự phát triển xã hội nếu không bắt đầu bằng sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, trước hết, còn nhiệm vụ giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Tuy vậy, trong khuôn khổ chế độ thuộc địa với những điều kiện giới hạn nhất định, Người luôn tìm các giải pháp để cải thiện đời sống của người lao động. Chủ trương thành lập các đoàn thể xã hội của người lao động (như: Công hội đỏ, Nông Hội đỏ, Hội ái hữu,...) không chỉ nhằm tập hợp lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc, mà trước hết thông qua những tổ chức này để đưa quần chúng ra đấu tranh đòi cải thiện đời sống hằng ngày (như chống sưu cao, thuế nặng, đòi giảm tô, giảm tức,... cho nông dân; đòi ngày làm 8 giờ, chống đánh đập, ốm đau phải được nghỉ dưỡng,... của công nhân), qua đó mà từng bước trưởng thành về chính trị. Như vậy, sự phát triển xã hội trong điều kiện chế độ thuộc địa gắn liền với sự trưởng thành của bản thân quần chúng lao động, không tách rời với cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ hằng ngày, nằm chung trong phong trào dân tộc rộng lớn.

Với thợ thuyền, kết quả đấu tranh trước giới chủ đã đưa đến những cải thiện nhất định về đời sống, dù rất hạn chế, trước hết là tăng lương, giảm giờ làm... Với nông dân, dù tạm gác khẩu hiệu “người cày có ruộng” để tập trung cho mục tiêu giải phóng dân tộc,

nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chủ trương tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian ra mặt phản cách mạng để chia cho dân cày nghèo, tích cực vận động địa chủ giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công. Thông qua các cuộc vận động cách mạng như cứu tế xã hội vào dịp mất mùa, thiên tai,... để phát huy tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ, giúp đỡ nhau, giảm thiểu phần nào khổ đau, bất hạnh cho những người chịu nhiều áp bức, bất công và thiệt thòi trong xã hội thuộc địa.

3.1.2. Khi đất nước đã giành được độc lập, phát triển xã hội, phát triển con người là nhiệm vụ trung tâm và đặt ra thường trực đối với Đảng, Nhà nước. Nó là thước đo bản chất tốt đẹp của chế độ mới, khẳng định tính chính đáng của người cầm quyền trước Nhân dân.

Không phải ngẫu nhiên chỉ một ngày sau khi Tuyên bố trước quốc dân, đồng bào về nền độc lập dân tộc, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời (03/9/1945), 6 *nhiệm vụ cấp bách* được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên đều là những vấn đề xã hội nóng bỏng liên quan đến quyền lợi thiết thân của con người: chống “giặc đói”, “giặc dốt”, xóa bỏ các khoản thuế khóa vô lý, xóa bỏ chế độ đầu độc con người bằng thuốc phiện và rượu cồn, tổ chức tổng tuyển cử theo lối phổ thông đầu phiếu, thực hành tự do tôn giáo - tín ngưỡng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn mọi người Việt Nam đủ tuổi trưởng thành đều có việc làm, có thu nhập ổn định, không ngừng cải thiện và nâng cao đời

sống. Lao động, việc làm không chỉ giúp người dân bảo đảm thu nhập, thỏa mãn đời sống, mà còn làm cho con người từng bước hoàn thiện nhân cách làm người, biết quý trọng của cải vật chất, sống có trách nhiệm với xã hội, với thành quả lao động của chính mình, khẳng định tính ưu việt của chế độ mới. Vì thế, ngày 02/3/1947, Người đã ký Sắc lệnh số 29 về quyền của người làm công (có giá trị như *Luật Lao động* hiện nay), không chỉ có ý nghĩa tình thế lúc bấy giờ mà còn thể hiện *triết lý phát triển xã hội*.

Chống “giặc đói”, “giặc dốt” do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng vào năm 1945 lúc mà các nước phương Tây đang cuốn vào những cuộc tranh giành các nguồn tài nguyên và thị trường, chưa nhận thức được hệ lụy của đói nghèo và thất học đối với sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc và toàn nhân loại. Hoạt động bảo vệ môi trường, “Tết trồng cây” do Người khởi xướng khi nhân loại vẫn duy trì phương thức sinh tồn và phát triển bằng cách bòn rút các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chưa ý thức được sự “trả thù” của tự nhiên khi khai thác không đi kèm với bảo vệ, tái tạo các nguồn lợi tự nhiên. Chủ tịch Hồ Chí Minh có quan niệm rất hiện đại, như: xem chăm sóc sức khỏe của Nhân dân là nhiệm vụ chiến lược, trong đó *ngành y tế có vai trò nòng cốt*. Trong chăm sóc sức khỏe, Người lưu ý cả sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần...

Những tư tưởng ấy phải nhiều thập niên sau mới được nhận thức ở bản chất tầng sâu và trở thành chương trình hành động trên phạm vi toàn cầu gần

với *Mục tiêu Thiên niên kỷ* do Liên hợp quốc khởi xướng.

3.1.3. Xã hội chỉ có điều kiện phát triển toàn diện trong chủ nghĩa xã hội và các tiêu chí phát triển xã hội có ý nghĩa định hình giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa trong từng nấc thang phát triển đất nước.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, các chế độ bóc lột không thể đưa lại phát triển xã hội thật sự, không thể giải phóng triệt để các tiềm năng, sức mạnh của con người. Ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng, Người đã phân tích sâu sắc rằng, các cuộc cách mạng dân chủ tư sản chỉ nhằm thay thế một chế độ bóc lột này bằng chế độ bóc lột khác. Với niềm tin mãnh liệt vào bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng triệt để con người khỏi mọi áp bức, bất công, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện cả với tư cách cá nhân con người và cộng đồng xã hội. Chủ nghĩa xã hội trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ nghĩa xã hội năng động, phát triển, hướng đến nhu cầu chính đáng của Nhân dân, khác với mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xơ cứng, xa lạ với nhu cầu thiết thực của đời sống Nhân dân. Người lấy tiêu chí quan trọng bậc nhất của chủ nghĩa xã hội là phát triển con người, phát triển xã hội, thông qua cách diễn đạt bình dị, gần gũi, phản ánh các nhu cầu thiết yếu về *chất lượng sống* mà bất cứ người dân nào cũng cảm nhận được. Đó là một chế độ xã hội mà “ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức. Đó là một xã hội tốt

đẹp về vang”¹³; đó là xã hội “dân giàu nước mạnh”, “nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân”. Người cho rằng, “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa”¹⁴. Vì thế, phát triển xã hội chỉ đạt được các giá trị đích thực trong chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội không có mục đích nào khác là đem lại sự phát triển xã hội toàn diện, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển.

3.1.4. Phát triển xã hội trên cơ sở nền kinh tế vững mạnh, gắn với cơ cấu kinh tế nhất định là một cơ cấu xã hội tương ứng.

Đây là điểm rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng phát triển xã hội gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Do hoàn cảnh chiến tranh, dù phải dành nhiều tâm lực, trí lực lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn chú trọng xây dựng nền kinh tế quốc gia vững mạnh vừa bảo đảm sức mạnh của hậu phương cho tiền tuyến, vừa nâng cao đời sống của Nhân dân. Nhận thức rõ đặc điểm “to nhất” của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một nước nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu, kinh tế kém phát triển, Người chủ trương sớm tiến hành công nghiệp hóa trên miền Bắc nhằm phát triển lực lượng sản xuất, tạo ra của cải vật chất ngày càng dồi dào, cải

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr294.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr 610.

thiện tốt hơn đời sống Nhân dân. Người gọi cơ cấu kinh tế đó là “hai chân” công nghiệp và nông nghiệp.

Biến đổi cơ cấu kinh tế tất yếu dẫn tới biến đổi cơ cấu xã hội. Ít nhất cho đến trước khi chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa (năm 1958), Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh yêu cầu duy trì và khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thực hiện “*công tư lưỡng lợi*”. Người thấy rõ vai trò của các giai tầng xã hội đối với công cuộc phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Vì vậy, phải có chính sách giai cấp đúng đắn, nhất là với các giai tầng hữu sản vẫn có vai trò nhất định trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, phát triển xã hội. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, kinh tế tư bản tư nhân “họ bóc lột công nhân, nhưng đồng thời cũng góp phần xây dựng kinh tế”. Người đưa ra quan điểm *công tư lưỡng lợi, chủ thợ đều có lợi*. Điều này không chỉ phản ánh *quan hệ chủ - thợ*, mà bao hàm cả *quan hệ hợp tác giữa người quản lý và người lao động*. Rõ ràng, trong điều kiện chính quyền đã về tay Nhân dân, do Đảng lãnh đạo, thì quan hệ giai cấp không giống như trong chế độ cũ. Người nhấn mạnh: “Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức”¹⁵. Chủ

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr267.

tịch Hồ Chí Minh khuyến khích tăng lớp công - thương gia làm giàu chính đáng, hợp pháp, tích cực đóng góp cho cách mạng. Đặt trong bối cảnh tư tưởng chủ quan nóng vội thủ tiêu các thành phần kinh tế phi công hữu còn ngự trị ở các nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết thì mới thấy *tư tưởng vượt trước, tôn trọng quy luật khách quan của Hồ Chí Minh*.

Những chỉ dẫn nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn nguyên giá trị khi chúng ta phải xử lý không ít các vấn đề xã hội nảy sinh từ nền kinh tế thị trường, đặc biệt là các quan hệ giữa chủ - thợ, giữa nhà quản lý - người lao động, chứa đựng cả *mặt hợp tác* để phát triển doanh nghiệp đem lại lợi ích cho cả người sử dụng lao động lẫn người lao động, và *mặt đấu tranh* buộc người sử dụng lao động thực hiện đúng quy định pháp luật, bảo đảm quyền của người lao động, không ngừng mở rộng phúc lợi công ty. Điều đó cũng đặt ra những nhận thức mới về quan hệ giai cấp trong nền kinh tế thị trường khi chính quyền đã về tay Nhân dân, Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền, giai cấp công nhân và Nhân dân lao động có nhiều công cụ để thực hiện quyền làm chủ của mình.

3.1.5. Phát triển xã hội theo nguyên lý không loại trừ, bảo đảm quyền cùng phát triển của mọi thành viên trong xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm bất cứ người dân Việt Nam nào có đóng góp cho tiến bộ và phát triển của quốc gia - dân tộc gắn với điều kiện lịch sử - cụ thể đều là thành viên của quảng đại “Nhân dân”

rộng lớn, được Đảng và Nhà nước bảo đảm *quyền phát triển*. Đó là các chính sách xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức,... cùng các tầng lớp xã hội khác. Người rất coi trọng chăm lo *phát triển giai cấp công nhân vững mạnh* xứng đáng với vai trò giai cấp lãnh đạo cách mạng; có đủ năng lực làm chủ nhà máy, công xưởng, hầm mỏ; tạo nhiều của cải vật chất cho xã hội; thật sự tiên phong về phương thức sản xuất, lối sống, nếp sống, kỷ luật lao động gắn với xây dựng tổ chức Công đoàn. Cùng với phát triển giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh *dành nhiều tình cảm và quan tâm đặc biệt với nông dân* thông qua các chính sách đưa lại quyền làm chủ ruộng đất, khuyến khích xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác để nông dân hợp lực khắc phục khó khăn, phát huy sức mạnh tập thể, không ngừng mở mang phúc lợi xã hội nông thôn, xây dựng xóm làng văn minh, đẩy lùi các hủ tục. Hiểu rõ những đóng góp, hy sinh, thiệt thòi của nông dân trong kháng chiến, Người luôn nhắc nhở chính quyền các cấp không chỉ biết huy động sức dân, mà còn phải ra sức bồi dưỡng sức dân và di huấn sau khi nước nhà thống nhất cần *miễn thuế cho nông dân*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xem *trí thức là vốn quý của dân tộc* trong sự nghiệp cách mạng, phải trọng dụng nhân tài, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho trí thức cống hiến, phấn đấu. Hiểu rõ đặc điểm của trí thức, để xây dựng đội ngũ này ngày càng lớn mạnh, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng, Người luôn thể hiện tình cảm chân thành, trân trọng lao động trí óc, ra sức tập hợp, đoàn kết trí thức tham gia cách mạng,

cùng hợp thành liên minh giữa công nhân, nông dân với trí thức thành một khối vững chắc, tạo thành nòng cốt của Mặt trận dân tộc thống nhất. Trong khi đặc biệt chú trọng chăm lo phát triển giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức - những giai tầng cơ bản trong xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có sự nhìn nhận, đánh giá đúng mực về *vai trò của tư sản dân tộc, tiểu chủ* trong cơ cấu xã hội đa dạng cần phải được phát huy đầy đủ, được hướng dẫn để phát triển phù hợp với lợi ích đất nước và bản chất chế độ mới.

Quan điểm này đối lập với các tư tưởng dân chủ tư sản cường điệu hóa vai trò của tầng lớp “*tinh hoa*” và “*hữu sản*”, xem nhẹ vai trò của Nhân dân lao động, bỏ lại phía sau những người nghèo khó, thất học, yếu thế. Nó cũng xa lạ với *chủ nghĩa biệt phái tả khuynh* tồn tại phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trước đây khi tuyệt đối hóa vai trò của công - nông mà loại trừ khả năng phát triển và đóng góp cho đất nước của các giai tầng khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cách nhìn biện chứng về *phân tầng xã hội hợp thức*, do các nguồn gốc kinh tế - xã hội, yếu tố sinh học, các rủi ro,... của từng người gặp phải khiến cho cơ hội tiếp cận và tính hiệu quả sử dụng nguồn lực phát triển không giống nhau giữa các thành viên trong xã hội.

Vì vậy, phải bảo đảm *quyền cùng phát triển* của mọi thành viên trong xã hội, không loại trừ bất cứ ai, với quan điểm: “*Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu*”.

thêm”¹⁶. Quan điểm nêu trên khuyến khích người giàu phải “giàu thêm”, việc làm giàu của người này không đe dọa cơ hội phát triển của người khác, dĩ nhiên đó phải là làm giàu lương thiện, hợp pháp; còn người nghèo cũng có quyền phát triển bằng nỗ lực phấn đấu vươn lên “đủ ăn”, rồi tiến lên “khá giàu”. Điều này gợi mở nhiều điều về kiểm soát phân tầng xã hội hiện nay, nhất là khuyến khích làm giàu chính đáng, hợp pháp gắn với thúc đẩy giảm nghèo bền vững, định hình cơ cấu xã hội phát triển hài hòa.

Xuất phát từ thực tiễn một quốc gia đa tộc người, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm đa tộc người là vốn quý của dân tộc ta; phải bảo đảm trên thực tế quyền bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các tộc người thông qua hỗ trợ của Nhà nước và sự nỗ lực tự vươn lên của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi tộc người. Điều này đối lập với tư tưởng phân biệt chủng tộc, với tư tưởng dân tộc lớn, với chính sách “chia để trị” của chủ nghĩa thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tộc người có điều kiện phát triển hơn phải tương trợ, giúp đỡ các tộc người chậm phát triển cùng vươn lên. Người đặc biệt coi trọng thúc đẩy sự phát triển nhanh, mạnh các vùng có đông đồng bào các tộc người thiểu số, miền núi, căn cứ địa cách mạng. Sự phát triển các vùng này không chỉ có ý nghĩa bảo đảm an ninh, quốc phòng, mà cao hơn

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr81.

là thực hiện quyền cùng phát triển giữa các vùng, các tộc người.

Là quốc gia *đa tín ngưỡng, tôn giáo*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo; đánh giá khách quan về giá trị văn hóa, đạo đức của các tôn giáo; bày tỏ tình cảm trân trọng đối với những người sáng lập các tôn giáo; có nhiều chủ trương, chính sách để đoàn kết tôn giáo, đoàn kết lương - giáo, làm cho các tôn giáo đồng hành cùng dân tộc. Phát triển xã hội vì thế bao hàm cả chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các tôn giáo, làm cho đồng bào các tôn giáo gắn kết với dân tộc, đồng hành cùng sự nghiệp giải phóng và phát triển dân tộc. Người phê phán và đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện kỳ thị tôn giáo, vi phạm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Nhân dân cũng như các hành vi lợi dụng tôn giáo để làm những điều trái với lợi ích dân tộc, gây tổn hại cho sự nghiệp cách mạng.

Các tầng lớp, nhóm xã hội thiếu cơ hội phát triển, chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Đối với *phụ nữ*, tầng lớp vốn chịu nhiều thua thiệt về cơ hội phát triển do những trói buộc của tư tưởng phong kiến lạc hậu, Người chủ trương phải tiến hành cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ, thực hiện nam - nữ bình quyền, tạo môi trường thuận lợi cho phụ nữ có cơ hội tham gia công việc xã hội, học tập, phấn đấu cũng như hoàn thành thiên chức làm mẹ, làm vợ. Người cho rằng, chưa giải phóng được phụ nữ thì mới chỉ giải phóng được một nửa quần chúng, chưa thể hiện bình đẳng nam nữ và

nam nữ bình quyền thì mới chỉ là một nửa chủ nghĩa xã hội... *Đối với trẻ em*, Người xem như “búp non trên cành”, luôn động viên, khuyến khích các em học tập, tu dưỡng để có ích cho gia đình và xã hội, bảo đảm vốn con người cho tương lai đất nước, cần có những chính sách phát triển toàn diện các mặt thể lực, trí lực, đạo đức và thẩm mỹ. *Đối với người cao tuổi*, Hồ Chí Minh tôn trọng, tin tưởng, đề cao và yêu cầu có chính sách chăm lo, động viên kịp thời, phát huy kinh nghiệm, vốn sống và trách nhiệm nêu gương cho con cháu, trước hết trong gia đình, dòng tộc, làng xóm. *Đối với thương binh, liệt sĩ, người có công với nước* - những người vì độc lập dân tộc mà chịu hy sinh, mất mát trong kháng chiến - nên phải được chăm lo đặc biệt thông qua chính sách ưu đãi xã hội. Trong *Di chúc*, Người căn dặn sau ngày cách mạng thắng lợi, công việc đầu tiên đối với con người là chăm lo cho thương binh và người có công với nước; xây dựng vườn hoa, bia tưởng niệm ghi nhớ công ơn các anh hùng, liệt sĩ; chăm lo nơi ăn, chốn ở, mở lớp dạy nghề để thương binh, bệnh binh và con cái họ có thể “tự lực cánh sinh”.

3.1.6. Phát triển xã hội trên quan điểm thúc đẩy công bằng về cơ hội phát triển giữa các thành viên trong xã hội, bảo đảm hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Đây là luận điểm rất quan trọng chi phối đến thiết kế các chính sách kinh tế và chính sách xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cơ hội phát triển của mỗi con người

trước hết là phải được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, an ninh và an toàn. Một đất nước mất độc lập, chủ quyền thì Nhân dân không thể có tự do và do đó không có cơ hội phát triển. Dân tộc độc lập, môi trường hòa bình, xã hội an toàn là cơ hội cho con người phát triển, là điều kiện cơ bản để từng thành viên trong xã hội nỗ lực, phấn đấu vì sự phát triển chung. Cơ hội phát triển có được còn nhờ mở mang *hệ thống phúc lợi xã hội*, tạo nền tảng cho con người phát triển toàn diện, nhất là giáo dục, văn hóa, y tế, trợ giúp xã hội. Những chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xóa mù chữ, tập hợp trí thức trong nước và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài trở về xây dựng nền giáo dục quốc dân phục vụ sự nghiệp “trồng người” cũng nằm trong tầm nhìn chiến lược đó. Cơ hội cho sự phát triển được Người đặc biệt chú ý với những đối tượng chịu nhiều thiệt thòi, kém may mắn trong xã hội như trẻ em, thương binh, gia đình liệt sĩ, phụ nữ, các tộc người thiểu số.

Công bằng xã hội theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Người nhấn mạnh: “Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít. Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ, cũng công điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải

tránh *chủ nghĩa bình quân*”¹⁷. Người phê phán các thói đặc quyền đặc lợi, vì đặc quyền đặc lợi là nguồn gốc gây nên tình trạng bất bình đẳng về phân phối kết quả sản xuất cũng như triệt tiêu cơ hội phát triển cho các nhóm xã hội kém lợi thế. Người cũng phê phán chủ nghĩa bình quân, bởi chia đều, bình quân là không công bằng, nó gây bất công cho những người làm nhiều mà phân phối không hơn gì người làm ít, vì thế triệt tiêu động lực phát triển. Công bằng xã hội cần được phân biệt cả *lao động “khó”* và *“dễ”* - hay còn gọi là *lao động phức tạp* và *lao động giản đơn*. Các biểu hiện đồng nhất lao động phức tạp với lao động giản đơn trong phân phối kết quả sản xuất đều xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh, kìm hãm hoặc triệt tiêu đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản lý, khoa học, văn học, nghệ thuật... Vì vậy, kiến tạo một hệ thống phân phối hợp lý không chỉ nhìn từ chiều cạnh phúc lợi xã hội, mà còn được xem xét ở cả chiều cạnh động lực phát triển xã hội. Đây là vấn đề có ý nghĩa thời sự trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

3.1.7. Cốt lõi của phát triển xã hội là giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bất công, phát triển con người toàn diện, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tạo dựng xã hội an ninh, an

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr216.

toàn, bảo đảm cho con người trưởng thành lành mạnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, phát triển xã hội chính là giải phóng con người thoát khỏi mọi áp bức, bất công, có điều kiện phát triển toàn diện cả về thể lực, trí lực, thẩm mỹ và đạo đức. Thủ tiêu các cơ sở kinh tế của chế độ bóc lột chính là giải phóng lao động, đem lại tự do cho con người. Phát triển kinh tế không có mục tiêu tự thân mà cũng hướng tới cải thiện đời sống vật chất, phát triển thể chất, nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Nền văn hóa mới, đạo đức mới được xây dựng giúp con người hình thành nhân cách sống hài hòa với xã hội, với cộng đồng, với tự nhiên và với chính mình. Hệ thống giáo dục tiên bộ phải có khả năng khơi dậy, phát huy cao nhất những năng lực, phẩm chất vốn có của con người để hoàn thiện chính mình và đóng góp hữu ích cho xã hội. Thể chế chính trị dân chủ phải tạo môi trường cho con người có tự do, phát huy cao nhất năng lực làm chủ trong mọi phương diện của đời sống xã hội. Mục tiêu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa hay xã hội đều hướng tới thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của Nhân dân, đáp ứng quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân.

Phát triển xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều tầng nấc, nhiều lớp: toàn thể quốc dân - đồng bào, giai tầng, nhóm xã hội, gia đình, cá nhân. Trong khi đề cao những quyền chân chính của cá nhân con người thì Người *phê phán và đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa cá nhân*. Theo Chủ tịch Hồ Chí

Minh, lợi ích cá nhân chân chính của con người không đối lập với lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng, mà chủ nghĩa cá nhân mới đối lập với lợi ích chung. Cần định hình thái độ đúng đắn về quyền của cá nhân con người, đặc biệt là quyền đi liền với nghĩa vụ, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Quyền của cá nhân nếu không gắn với nghĩa vụ, trách nhiệm chỉ đẩy tới lợi ích cá nhân ích kỷ, đối lập với lợi ích chung. Trách nhiệm của Đảng và Nhà nước là giáo dục, nhân mầm, làm cho những giá trị tốt đẹp của con người ngày càng nảy nở, phát triển; tạo môi trường thể chế cho sự trưởng thành lành mạnh của nhân cách con người; tôn trọng và bảo vệ những quyền chính đáng, hợp pháp của cá nhân con người; bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng xã hội. Phát triển xã hội tốt đẹp là điều kiện cho mỗi người trưởng thành lành mạnh, nhận được sự trợ giúp tích cực từ phía xã hội để bảo đảm an ninh, an toàn và năng lực tự phát triển.

Tóm lại, những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về phát triển xã hội vẫn còn nguyên giá trị trong điều kiện hiện nay, cần được nghiên cứu, vận dụng sáng tạo vào quản lý phát triển xã hội, định hướng xây dựng xã hội phát triển.

3.2. Quan điểm và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong công cuộc đổi mới

Phát triển xã hội là quá trình con người có những hoạt động khác nhau để nâng cao và cải thiện không

ngừng chất lượng cuộc sống và môi trường sống. Để phát triển xã hội bền vững thì cần phải thực hiện hiệu quả quản lý phát triển xã hội, nghĩa là phải hoạt động theo chức năng quản lý của nhà nước với sự phối hợp của các tổ chức ngoài nhà nước trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật, các công cụ quản lý, huy động tối đa các nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển cá nhân, cộng đồng và phát triển xã hội bền vững.

Đại hội VI (12/1986) của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới đất nước, trong đó bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn, đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập một mô hình phát triển mới cho đất nước, bổ sung, phát triển lý luận về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong điều kiện mới.

Lần đầu tiên khái niệm “chính sách xã hội” được nêu trong Văn kiện Đại hội VI. Nghị quyết Đại hội khẳng định: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội”. Đồng thời, Văn kiện Đại hội nhấn mạnh: “Cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đó là một bước tiến mới trong nhận thức về chính sách xã hội của Đảng”.

Bên cạnh vai trò quản lý của Nhà nước, Đại hội VI đã nhận thức rõ vị trí, vai trò của Nhân dân và các đoàn thể quần chúng đối với việc quản lý và thực hiện chính sách xã hội khi khẳng định phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, điều này đã thể hiện một bước phát triển mới so với quan điểm trước đây về chủ thể quản lý phát triển xã hội.

Đại hội VII (năm 1991) của Đảng tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của phát triển xã hội, vị trí, vai trò của chính sách xã hội và nhấn mạnh mục tiêu của chính sách xã hội trong mối quan hệ với chính sách kinh tế: “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của Nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”. Đại hội nhấn mạnh: “Huy động mọi khả năng của Nhà nước và của Nhân dân, Trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề của chính sách xã hội”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng nêu rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phương hướng lớn của chính sách xã

hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”.

Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (01/1994), mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được Đảng xác định một cách rõ ràng hơn: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”. Hội nghị đã chủ trương tăng cường xây dựng các luật, các chính sách nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, vừa khuyến khích đầu tư để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, vừa hạn chế bất công xã hội; có chính sách ưu đãi hợp lý về nhiều mặt để tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

Như vậy, giai đoạn từ năm 1986 - 1996, các văn kiện Đại hội Đảng đã nhấn mạnh đến khuyến khích làm giàu hợp pháp và coi việc một bộ phận dân cư giàu lên trước là cần thiết cho sự phát triển. Sau 10 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, trong đó về mặt xã hội tạo được một số chuyển biến tích cực.

Đại hội VIII (6/1996), Đảng ta khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá

trình phát triển”. Đồng thời, Đại hội nêu rõ: “Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”.

Đại hội IX (năm 2001) của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lãnh đạo xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ trong phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích Nhân dân làm giàu hợp pháp. Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản”. Đồng thời, Đảng ta khẳng định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”.

Tổng kết 20 năm đổi mới đất nước, **Đại hội X (năm 2006)** của Đảng chủ trương phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội phải tiếp tục được đặt trong mối quan hệ không tách rời với phát triển kinh tế và quản lý phát triển kinh tế. Văn kiện Đại hội Đảng nêu: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, với các định hướng lớn về giải quyết những vấn đề xã hội.

Giai đoạn từ năm 1996 - 2011, đất nước ta đã đạt được những thành tựu nổi bật, đầy ấn tượng, trong đó phải kể đến việc giải quyết có hiệu quả mối quan hệ

giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đại hội XI (năm 2011) của Đảng khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần”. Để thực hiện tốt mục tiêu công bằng trong các chính sách xã hội, Đảng ta nhấn mạnh chính sách xã hội phải phù hợp với từng đối tượng, từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016) nhận định: “Đảng đã nhận thức ngày càng cụ thể và đầy đủ hơn tầm quan trọng, mục tiêu và nội dung của việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là an sinh xã hội, phúc lợi xã hội... Nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; vai trò của chính sách xã hội, sự thống nhất và kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội”.

Lần đầu tiên, **Đại hội XII (2016)** đặt ra quan điểm phát triển xã hội bền vững. Văn kiện Đại hội nêu rõ: “Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”. Đồng thời, Đảng ta khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm để Nhân

dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước”.

Kế thừa và phát triển các thành quả đạt được trong các kỳ Đại hội trước, **Đại hội XIII (năm 2021)**, Đảng ta khẳng định: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân”. Mặt khác, Văn kiện Đại hội đã xác lập phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội là một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó, nhấn mạnh: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người”.

Như vậy, những bước tiến trong tư duy lý luận của Đảng về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội hơn 35 năm đổi mới vừa qua đã đem lại những thành tựu to lớn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có những thành tựu vượt bậc về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta.

4. Quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI

4.1. Sự cần thiết về quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

***góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội
Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI***

Là một tỉnh giàu tiềm năng về tài nguyên, khí hậu ôn hòa, thuận lợi cho việc phát triển toàn diện, nhưng vẫn đề có ý nghĩa quyết định là Đảng bộ phải có những chủ trương, giải pháp và tổ chức thực hiện có hiệu quả bằng sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thực tiễn cho thấy, trong từng thời kỳ Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng luôn quyết liệt, đồng bộ, xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá để có chủ trương, giải pháp phù hợp để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đã đạt nhiều thành tựu quan trọng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI khẳng định:

- Kinh tế tăng trưởng khá, quy mô, chất lượng nền kinh tế được nâng lên.

Kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt khá cao, bình quân 5 năm tăng 8,0%, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động tăng 1,5 lần so với năm 2015. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 71 triệu đồng, cao hơn bình quân chung cả nước; đến năm 2022 đạt 77,67 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra (NQ: 71,5 - 73 triệu đồng).

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát

triển nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả vượt bậc.

Lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ phát triển mạnh; xây dựng các mô hình sản xuất mới ứng dụng công nghệ cao..., đã khích lệ và tạo điều kiện cho nông dân ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp và làm giàu trên mảnh đất của mình; nhiều hộ nông dân, nhất là “*nông dân thế hệ mới*” trở nên giàu có. Xây dựng, phát triển thương hiệu “*Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*” đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica, du lịch canh nông, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động cả hệ thống chính trị và Nhân dân, có sức lan tỏa mạnh mẽ; vai trò chủ thể của người dân được khẳng định, đồng thuận xã hội ngày càng cao; kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư phát triển, diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần người dân tiếp tục nâng lên; môi trường nông thôn chuyển biến tích cực.

Lĩnh vực dịch vụ, phát triển toàn diện, tăng trưởng bình quân hằng năm cao hơn bình quân chung của nền kinh tế, tỷ trọng dịch vụ trong GRDP vượt kế hoạch. Đặc biệt ngành du lịch phát triển nhanh về cơ sở vật chất, chủng loại và chất lượng dịch vụ. Lĩnh vực

thương mại - dịch vụ, thị trường hàng hóa ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng khá; kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước; các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng cả về lượng và giá trị; đến nay xuất khẩu trên 40 nước. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải phát triển nhanh, đa dạng, huy động nhiều nguồn lực xã hội đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ngành công nghiệp có bước phát triển mới, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu, đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy tăng trưởng; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, cung cấp nước, thu gom xử lý rác thải, nước thải, công nghiệp khai khoáng phát triển với tốc độ khá; ngành nghề cơ bản khôi phục và phát triển mạnh; bổ sung thêm một số sản phẩm mới; các khu, cụm công nghiệp được đầu tư từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất.

Quan tâm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Hệ thống giao thông đường bộ và hàng không phát triển, tăng cường tính kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia; các tuyến đường tỉnh tiếp tục đầu tư, giao thông nông thôn phát triển tốt; công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương được kiên cố hóa, góp phần tăng diện tích sản xuất nông nghiệp chủ động nước tưới. Nâng cấp hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải. Hạ tầng năng lượng, các khu, cụm công nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa,

khóa học - công nghệ, thông tin - truyền thông phát triển tốt, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Công tác quy hoạch thực hiện chặt chẽ, phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; lập và phê duyệt một số quy hoạch lớn. Việc thực hiện quy hoạch phù hợp, hiệu quả, đảm bảo sự phát triển các ngành, địa phương và định hướng chung của tỉnh. Tích cực triển khai thực hiện Quyết định 704/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thành phố Đà Lạt, vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1528/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách bám sát chủ trương, chính sách của Trung ương, cân đối ngân sách được đảm bảo. Có nhiều giải pháp tích cực, hiệu quả trong quản lý, nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu thuế; thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 13%; điều hành chi chặt chẽ, linh hoạt, tiết kiệm, hiệu quả, kỷ luật tài chính được tăng cường; cơ cấu chi ngân sách chuyển biến tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, phù hợp với chủ trương của Trung ương về tái cơ cấu ngân sách và quản lý nợ công.

Việc triển khai các công trình trọng điểm trong điều kiện khó khăn về cơ chế, chính sách, vốn,... song tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai với quyết tâm cao và đạt một số kết quả; chú trọng xúc tiến đầu tư, cải cách

thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai các công trình, dự án.

Quan tâm thực hiện mục tiêu phát triển doanh nghiệp; chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; khuyến khích phong trào khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp thành lập mới tăng về số lượng và quy mô. Triển khai hiệu quả chủ trương tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới tăng lên; nhiều hợp tác xã khẳng định vị trí, thương hiệu tham gia các chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản trong nước và quốc tế.

Phát triển mạnh kinh tế vùng, làm tốt vai trò cầu nối giữa Tây Nguyên với các tỉnh miền Đông Nam Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ; tích cực, chủ động hợp tác với một số tỉnh, thành phố nhằm phát huy lợi thế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, quảng bá thương hiệu, thu hút đầu tư, liên kết chuỗi giá trị sản xuất, phân phối sản phẩm nông nghiệp và du lịch. Kiến nghị Trung ương quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh của tỉnh và khu vực Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ.

Đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số: triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đạt nhiều kết quả

quan trọng...

- Về phát triển bền vững văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa ngày càng phát triển đa dạng, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân; là địa phương có nền văn hóa đặc sắc, phong phú và mang đậm bản sắc riêng với sự hòa quyện của văn hóa bản địa gốc Tây Nguyên cùng dân tộc của các vùng miền trong cả nước đến định cư, lập nghiệp, tỉnh luôn chú trọng và khuyến khích giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, khơi dậy truyền thống, lòng tự hào, tự tôn cộng đồng các dân tộc địa phương; đầu tư tôn tạo nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phục dựng một số lễ hội truyền thống đặc sắc...; tiếp tục giữ gìn và phát huy nét văn hóa, hình ảnh, người Đà Lạt “hiền hòa - thanh lịch - mến khách”, để lại ấn tượng tốt cho du khách và tạo sự lan tỏa tích cực trong và ngoài tỉnh. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa - xã hội được tăng cường, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí của Nhân dân. Thể thao thành tích cao có bước phát triển; phong trào thể dục thể thao quần chúng được mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Quy mô, chất lượng giáo dục đào tạo, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục phát triển; hệ thống trường lớp ngày càng hoàn thiện, bố trí hợp lý

theo địa bàn dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội địa phương. Chất lượng, hiệu quả giáo dục chuyển biến rõ nét; đảm bảo thực chất, phản ánh đúng kết quả dạy và học; công tác phổ cập giáo dục giữ vững và nâng cao chất lượng; chú trọng đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng mạnh; quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi và đạt nhiều giải cao tại các cuộc thi cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc được đầu tư và chất lượng từng bước nâng lên. Xã hội hóa giáo dục - đào tạo đạt một số kết quả. Phát triển nguồn nhân lực, chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sự phát triển của địa phương.

Khoa học và công nghệ bám sát mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từng bước trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ mới vào quản lý, sản xuất, nhất là ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao được đẩy mạnh. Có nhiều giải pháp đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp phát triển các ngành, lĩnh vực.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng tiến bộ và hiệu quả. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh xã hội và dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt kết quả tốt. Huy động nhiều nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa về

chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho khám, chữa bệnh, giảm bớt tình trạng quá tải các cơ sở công lập; chất lượng nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chú trọng nâng cao y đức, phục vụ tốt người bệnh tại các cơ sở khám và điều trị bệnh; tỷ lệ hài lòng của người bệnh tăng qua từng năm.

Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Thực hiện hiệu quả và giải quyết kịp thời, đầy đủ các chính sách đối với người có công. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới, chính sách bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo trợ xã hội triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình, dự án giảm nghèo, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, người dân tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 6,67% năm 2015 xuống còn 1,35% năm 2020...

Tuy nhiên, đến nay Lâm Đồng vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa thật bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển; đầu tư cho văn hóa thiếu đồng bộ, dàn trải; xã hội hoá trên lĩnh vực văn hoá, xã hội còn chậm; đầu tư cho khoa học và công nghệ hạn chế; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi nhưng việc dự báo tình hình, đấu tranh ngăn chặn có lúc chưa kịp thời, hiệu quả

chưa cao; kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận Nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn...

Hiện nay, trong bối cảnh khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, tác động sâu rộng và đa chiều... Ngoài tiềm lực sẵn có của tỉnh, thì sự quyết liệt, đồng bộ trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để phát triển là yêu cầu cấp thiết. Để phát huy tốt điều này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc Lâm Đồng cần phải tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo Bác, không ngừng phát huy tinh thần quyết liệt, đồng bộ trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI.

4.2. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI

Phát huy những thành tựu đã đạt được, Đại hội XI Đảng bộ tỉnh với chủ đề: *“Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và trở thành tỉnh khá của cả nước”*. Đã xác định 03 mục tiêu cụ thể đến năm 2045, đó là: *Đến năm 2025: Là*

tỉnh phát triển khá của cả nước; Đến năm 2030: Là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; Đến năm 2045: tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Đề đạt được mục tiêu trên, trong năm 2023, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân cần tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, tập trung tuyên truyền, vận động khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, đồng bộ trong mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng dân cư, địa phương, cơ quan, đơn vị quyết tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã xác định trong năm 2023. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục giá trị, ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng, bồi đắp tinh thần, ý chí vươn lên không cam chịu đói nghèo, lạc hậu; thấp lèn ngọn lửa khát vọng xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng giàu đẹp trong mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Chú trọng đổi mới hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, địa bàn và sự phát triển của công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các

đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh; duy trì sinh hoạt chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cho cán bộ, đảng viên. Nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm đảm bảo và giữ vững quyết tâm, thành quả quá trình đổi mới của tỉnh và cả nước.

Hai là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, lề lối làm việc của các cấp uỷ đảng, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định của Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Ban hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng về các vấn đề có tính chiến lược cho quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, đảm bảo đúng, trúng với yêu cầu thực tiễn, kịp thời giải quyết các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, hướng tới sự ổn định và phát triển xã hội, thực thi hiệu quả; trọng tâm là tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XI về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; trọng tâm năm 2023 là thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2021 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về “*Phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2023*” với chủ đề: “***Quyết liệt, đồng bộ, đột phá; kỷ cương, nêu***

gương, trách nhiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI’.

Ba là, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; Chương trình hành động số 48-CTr/TU, ngày 30/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23- NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển du lịch chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển nguồn nhân lực; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chuyển đổi số và cải cách hành chính; phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; thực hiện các nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, huyện Đức Trọng, Đam Rông và Di Linh theo đúng lộ trình, mục tiêu đề ra. Chỉ đạo tiến hành sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, gắn với thực hiện hiệu quả tái cơ cấu nền kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo hướng phát triển xanh, toàn diện, bền vững; phát triển kinh tế số, xã hội số, dựa trên đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ.

Bốn là, thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng văn hóa theo chiến lược văn hóa đến năm

2030 phù hợp với định hướng, điều kiện thực tế của tỉnh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 89-CTr/TU, ngày 22/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW “về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kế hoạch số 136-KH/TU, ngày 12/8/2020 thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 08/3/2021 về triển khai thực hiện ý kiến phát biểu chỉ đạo và kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị *Văn hóa toàn quốc*...

Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc với hoạt động phát triển kinh tế gắn với hình ảnh, con người Lâm Đồng. Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa. Tổ chức, phát triển hoạt động thể dục, thể thao toàn diện về quy mô và chất lượng. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; kịp thời đấu tranh, phản bác, ngăn chặn, xử lý những thông tin xấu, độc, sai sự thật gây hoang mang dư luận. Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực.

Coi trọng xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý,

thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Năm là, tập trung huy động các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án để tiếp tục thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; thúc đẩy xã hội hóa, kết hợp công tư trong giáo dục và đào tạo; chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng, cơ sở trường, lớp, thiết bị giáo dục, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; phát triển khoa học và công nghệ toàn diện, tập trung nghiên cứu, ứng dụng trong sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; quan tâm chăm lo người có công với cách mạng, người nghèo, trẻ mồ côi, người yếu thế, công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, chăm sóc

người cao tuổi, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Triển khai các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm, thực hiện đào tạo gắn với giải quyết việc làm, quan tâm chính sách nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp...

Sáu là, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước để động viên, khuyến khích, tạo không khí sôi nổi trong mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực tham gia, cống hiến vào mọi mặt của đời sống xã hội. Các hoạt động phải góp phần nâng cao hiệu quả công việc của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị, mang lại lợi ích cho từng người, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện ở các đơn vị, địa phương nghiêm túc, thực chất, hiệu quả. Kịp thời phát hiện biểu dương, khen thưởng và tuyên truyền sâu rộng những cá nhân, tập thể điển hình, những cách làm hay trong học tập, làm theo Bác về quyết liệt, đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ; sự tận tâm, tận lực trong phục vụ Nhân dân, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân để tạo sự lan tỏa trong cộng đồng; tăng cường kiểm tra, kiểm soát và có hình thức kỷ luật nghiêm những cơ quan, địa phương, đơn vị, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ chăm lo đời sống Nhân dân, gây bức xúc, phiền hà, những nhiễu, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân với Đảng và chế độ.

III. KẾT LUẬN

Quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và đường

lối, chủ trương, quan điểm của Đảng ta, đặc biệt là quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về phát triển kinh tế-xã hội, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam là giải pháp quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với thành tựu trong phát triển kinh tế-xã hội và truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng của quê hương, trước những thời cơ mới đang mở ra, trong thời gian tới, tỉnh Lâm Đồng sẽ tiếp tục khơi dậy khát vọng, ý chí, đổi mới sáng tạo, thể hiện sự quyết liệt, đồng bộ cũng như phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh. Với quyết tâm và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, thành tựu kinh tế-xã hội, tài nguyên văn hóa của Lâm Đồng sẽ được khai thác đúng hướng, hiệu quả. Qua đó, không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mà còn lan tỏa, quảng bá rộng rãi hình ảnh, những bản sắc độc đáo, riêng có của con người và vùng đất Lâm Đồng tới bạn bè trong nước và quốc tế.

Để biến mục tiêu đó thành hiện thực, đòi hỏi mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh phải nghiêm túc học và làm theo Bác, trở thành lối sống, nếp nghĩ, cách làm; tự trang bị cho mình một phương thức tu dưỡng, rèn luyện thiết thực, hiệu quả; phát huy tốt vai trò nêu gương để làm tròn vai trò, chức trách được giao; quyết liệt, đồng bộ trong công việc; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, đến năm

2025 trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước; đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; đến năm 2045, tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; xứng đáng với mong đợi của Đảng bộ, chính quyền và niềm tin của Nhân dân các dân tộc tỉnh nhà.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Lời nói đầu	2
Kế hoạch số 69-KH/TU, ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023	4
Hướng dẫn học tập, quán triệt, tuyên truyền Chuyên đề năm 2023 <i>“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI”</i>	17
Chuyên đề: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương; quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI	28
I- Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương	28
1. Nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương	
2. Ý nghĩa, sự cần thiết và tầm quan trọng của việc nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay	37
3. Đẩy mạnh học tập và làm theo Bác, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay	44
II- Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội	49

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và phát triển kinh tế	49
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và yêu cầu xây dựng nền văn hóa mới	70
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội	86
4. Quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI	109
IV- Kết luận	125

*Chịu trách nhiệm xuất bản TRẦN TRUNG HIẾU,
 Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
 In 5.000 cuốn, khổ 13x19cm tại Công ty CP In & PHS Lâm Đồng.
 Giấy phép xuất bản số 03/GPKD-STTTT so Sờ TT&TT tỉnh Lâm Đồng
 cấp ngày 17/01/2023
 In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2023*